

PHẦN I

VÀI NÉT VỀ QUÊ HƯƠNG – THÂN THỂ BÀ NGUYỄN THỊ TÒN

I. LÀNG MỸ KHÁNH – QUÊ HƯƠNG BÀ NGUYỄN THỊ TÒN:

“Nhà Bè nước chảy chia hai

Ai về Gia Định – Đồng Nai thì về”

Câu ca dao quen thuộc theo dòng chảy thời gian lắng đọng trong tâm tư biết bao người. Mầm sống luôn được được sinh sôi nảy nở, nối liền nhịp sống mà từ xa xưa tổ tiên đã tạo dựng cho những thế hệ cháu con vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai hôm nay và mãi được trao truyền cho cả mai sau...

Thật vậy, đọc lại chính sử Đồng Nai, cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII, người Việt bắt đầu có những đợt di cư vào vùng đất Đồng Nai - Gia Định. Tiến trình nhập cư diễn ra liên tục trong suốt gần một thế kỷ. Đến năm 1698, khi Nguyễn Hữu Cảnh theo lệnh của Chúa Nguyễn Phúc Chu vào kinh lược, thiết lập hệ thống quản lý hành chính, tổ chức việc khai thác đất đai và ổn định trật tự xã hội.

Cư dân Việt hình thành ở Đồng Nai do sự hội nhập bởi nhiều đợt chuyển cư chủ yếu từ đường biển, dừng chân trên các địa hình như cù lao, gò, giồng cao ráo, hướng ra sông. Theo Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức, nhiều nơi trên đất Đồng Nai tiếp nhận luồng di dân này như: Giồng Ông Đông (Nhơn Trạch), Giồng Dài (Long Thành), Cù Lao Rùa (nay thuộc Tân Uyên - Bình Dương), Cù Lao Tân Triều (Vĩnh Cửu), Cù Lao Phố (Hiệp Hòa – thành phố Biên Hòa)... Với chính sách khai khẩn đất hoang tích cực của chúa Nguyễn và các vua triều Nguyễn làm cho Đồng Nai nhanh chóng trở thành vùng đất trù phú, ruộng vườn bát ngát, vườn cây trĩu quả, phố chợ đông đúc. Cuối thế kỷ XVIII, Nông Nại Đại Phố là một đô thị xuất hiện sớm trên vùng đất Đồng Nai. Cù Lao Phố là trung tâm giao dịch thương mại nổi tiếng trong và ngoài nước.

Sông Đồng Nai quanh năm trong xanh, hiền hòa. Cách đây trên dưới 300 năm nhiều tên đất, tên làng nôm na, bình dị dọc theo dòng chảy của con sông thơ mộng này đã xuất hiện như: làng Tân Triều, làng Bến Cá, làng Bến Gỗ, Cù Lao Phố, làng Mỹ Khánh, Chợ Đồn... Những địa danh ấy đã trở nên quen thuộc, thân thiết với bao thế hệ cư dân vùng đất Đồng Nai – Gia Định.

Làng Mỹ Khánh cũng giống như bao làng thôn khác thuộc tỉnh Biên Hòa xưa nói riêng và cả Nam Bộ nói chung, là một trong những làng “sinh sau đẻ muộn” của vùng đất mới phương Nam. So với các làng xã miền Bắc với bề dày hơn 4000 năm, làng Mỹ Khánh quả là quá trẻ trung.

Làng Mỹ Khánh (thuộc phường Bửu Hòa – thành phố Biên Hòa ngày nay) cách trung tâm thành phố Biên Hòa khoảng 1 km theo đường chim bay về

hướng Đông Nam. Làng tọa lạc ở vị trí giao thông thuận lợi cả đường thủy lẫn đường bộ: Theo đường liên tỉnh 16 đi Tân Uyên, Thủ Dầu Một; theo đường hương lộ 13 qua Tân Vạn, tới bến đò Cát Lái; bằng đường sông Đồng Nai xuôi dòng nối thông với hệ thống kinh rạch chằng chịt của vùng đồng bằng sông Cửu Long, ghe xuồng có thể đi lại dễ dàng đến các thị trấn, thị xã trù phú của miệt vườn miền Tây Nam Bộ.

Phía Bắc, làng Mỹ Khánh giáp với Chợ Đồn (thôn Bình Long, nay cũng thuộc phường Bửu Hòa), là một khu buôn bán nổi tiếng, phố xá sầm uất xưa kia của đất Biên Hòa. Phía Đông giáp với sông Đồng Nai, giữa sông là Cù Lao Phố (xã Hiệp Hòa hiện nay), một trung tâm buôn bán lớn nhất Nam Bộ thời các Chúa Nguyễn, là đầu nối thông thương với các nước phương Tây và các nước khu vực Đông Nam Á...

Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu, trong tác phẩm “*Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – tỉnh Biên Hòa*” thì:

“Làng Mỹ Khánh, xứ Thủ Huồn là một trong 14 xã, 8 thôn của tổng Chánh Mỹ Thượng có đời sống dân cư khá sung túc.

** Đông, giáp sông lớn (sông Đồng Nai), lầy giữa sông làm giới.*

** Tây, giáp xã Tân Bản, có lập cột gỗ làm giới.*

** Nam, giáp thôn Tân Phú, có lập cột gỗ làm giới.*

** Bắc, giáp thôn Bình Long, lập cột gỗ làm giới.*

Thực canh đất trồng dâu, mía: có 6 mẫu, 8 thước, 3 tấc, với 37 sớ.

Đất gò đồi một khoảng, trong đó đất để ở và mộ địa”.

Về lịch sử hình thành làng Mỹ Khánh thì có lẽ vào khoảng sau năm 1698 đôi chút. Theo “*Đại Nam nhất thống chí*” của Quốc Sử Quán triều Nguyễn thì “*năm Mậu Dần, 1698, đời vua Hiến Tôn Hiếu Minh Hoàng đế, sai Chương cơ Nguyễn Hữu Cảnh (còn gọi là Kính) kinh lược Cao Man, đem xứ Đồng Nai đặt làm huyện Phước Long, dựng dinh Trấn Biên, mộ lưu dân từ Quảng Bình trở vô, đến ở chia đặt thôn ấp*”. Cho nên sử sách thời này chưa ghi tên thôn làng nào ở đây. Còn tên làng Mỹ Khánh thì sau này mới được nhắc đến, vì trước đó người ta chỉ nói đến làng Mỹ Thạnh.

Sách “*Gia Định thành thông chí*” (năm 1820) của Trịnh Hoài Đức là cuốn sử đầu tiên ghi chép tỉ mỉ “*các thôn Tân Bản, Mỹ Thạnh, ... thuộc tổng Chánh Mỹ, huyện Phước Chánh, phủ Phước Long, trấn Biên Hòa*”.

Theo Nguyễn Đình Đầu: Địa giới hành chính tỉnh Biên Hòa năm 1876 có 16 tổng, 204 làng; trong đó tổng Chánh Mỹ Thượng có 11 làng. Lúc này làng Mỹ Thạnh vẫn còn tên trong địa giới hành chính. Nhưng địa giới hành chính tỉnh Biên Hòa năm 1917 thì tổng Chánh Mỹ Thượng còn lại 9 làng, đã xuất hiện tên làng Mỹ Khánh. Như vậy, làng Mỹ Thạnh được đổi tên thành làng Mỹ Khánh trong khoảng thời gian này.

Về mốc thời gian có tên làng Mỹ Khánh, sách “*Địa danh Hành chính – Văn hóa – Lịch sử Đồng Nai*” nêu rõ: “*Xã Mỹ Khánh thuộc tị Chánh Mỹ Thượng, h Phước Chánh, p Phước Long, t Biên Hoà thành lập từ triều Minh Mạng. Đầu thời Pháp chiếm đóng thuộc hạt tht Biên Hoà. Từ 5-1-1876 gọi là làng Mỹ Khánh thuộc tkhc Biên Hoà, t Biên Hoà (1-1-1900). Năm 1928 nhập với hai làng Bình Long, Tân Bản thành làng Bửu Hoà. Đây là quê hương của*

“*Liệt phụ khả gia*” Nguyễn Thị Tồn – phu nhân của nhà văn hoá Bùi Hữu Nghĩa”.¹

Biên Hoà – Đồng Nai là vùng đất mới so với các tỉnh phía Bắc và miền Trung, được mở từ sau khi các chúa Nguyễn đặt được nền móng khá vững chắc ở Thuận Hoá từ cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII. Hơn nữa ý đồ của các chúa Nguyễn khi mở rộng chủ quyền ở vùng đất phương Nam trừ phú nhằm tạo ra một hậu phương kinh tế vững mạnh để có thể huy động các nguồn tài lực, vật lực cho cuộc chiến tranh giữa hai tập đoàn phong kiến Trịnh - Nguyễn, xây dựng vương triều mới đối lập với vương triều của vua Lê - chúa Trịnh ở phương Bắc. Với ước muốn như thế, việc đặt tên cho các đơn vị, tổ chức hành chính dưới thời các chúa Nguyễn (và sau này khi xây dựng được vương triều nhà Nguyễn) thường bắt đầu từ những mỹ từ Hán như: Phước, Long, An, Phú, Vĩnh, Thạnh, Mỹ²... Làng nào cũng muốn lấy một tên đẹp, muốn nói lên ước muốn thiện mỹ và phát đạt của người dân. Trong số 361 xã thôn (kể cả 56 làng lập địa bạ sau năm 1837) thì có 7 làng bắt đầu bằng từ “Mỹ”. Cho nên Mỹ Thạnh hay Mỹ Khánh cũng đều xuất phát từ ngụ ý cầu mong, ước muốn những điều tốt đẹp của người xưa về vùng đất mình đang sinh sống.

Ngày 1-1-1928, làng Mỹ Khánh cùng với 2 làng Tân Bản, Bình Long nhập thành làng Bửu Hoà. Năm 1956 gọi là xã Bửu Hoà thuộc tổng Phước Vĩnh Thượng. Sau 30-4-1975 thuộc thành phố Biên Hoà. Từ tháng 1-1976 thuộc tỉnh Đồng Nai. Ngày 28-12-1984 xã Bửu Hoà chuyển thành phường thuộc thành phố Biên Hoà (phường Bửu Hoà có diện tích 418,25 ha, dân số 16.232 người). Làng Mỹ Khánh được đổi thành ấp Tân Mỹ cho đến ngày nay.

II. CÁC GIÁ TRỊ NHÂN VĂN LÀNG MỸ KHÁNH:

Ngược dòng lịch sử, vào đời vua Gia Long, làng Mỹ Khánh tọa lạc ven sông Đồng Nai đã có nhiều hộ dân sinh sống. Dân làng chủ yếu là người Việt, có gốc gác từ miền Trung di cư vào sinh cơ lập nghiệp trải qua nhiều đời.

Làng Mỹ Khánh có những dòng họ lớn, đáng kính, gọi là kiến họ. Đó là các kiến họ: Huỳnh Quang, Trần, Nguyễn Trí... mà cho đến ngày nay con cháu đông đúc và không ít người hiện giữ vị trí cao trong xã hội.

Mỹ Khánh là vùng đất có quang cảnh sông nước hữu tình. Trước mặt, sông Đồng Nai quanh năm nước ngọt mát lành hiền hòa trôi nên còn có tên gọi là Thanh Hà. Nơi đây từng sản sinh một số nhân kiệt lưu danh, trở thành huyền thoại, được người đời sau nói tiếp nhắc đến, xem đó là niềm tự hào của quê hương Biên Hoà.

Ông Thủ Huồn tên thật là Võ Hữu Hoàng, quê làng Mỹ Khánh, sống vào nửa cuối thế kỷ 18. Là người giàu có, chiếm hữu nhiều ruộng đất ở Mỹ Khánh, Tân Bản, Cù Lao Phố, lại hay cho vay nặng lãi. Nhưng sau khi vợ mất, ông hối hận những gì trước đây mình làm, quãng đời còn lại, ông chuyên làm

¹ Trần Quang Toại chủ biên: Địa danh Hành chính – Văn hóa – Lịch sử Đồng Nai, Hội Khoa học Lịch sử Đồng Nai, NXB Đồng Nai.2014, trang 134.

² Trần Quang Toại chủ biên: Địa danh Hành chính – Văn hóa – Lịch sử Đồng Nai, Hội Khoa học Lịch sử Đồng Nai, NXB Đồng Nai.2014, trang 7.

điều thiện: trả lại ruộng đất cho người cầm cố; bố thí, giúp đỡ người nghèo; bỏ tiền xây dựng chùa, bắc cầu... Ở ngã ba sông Đồng Nai và sông Sài Gòn, ông cho làm căn nhà trên bè tre có sẵn nước ngọt, gạo, muối... giúp đỡ khách thương hồ, những người lỡ vận tá túc. Ngã ba sông mang tên Nhà Bè từ đó.

Nhân vật Thủ Huồn qua chuyện kể dân gian đã thấm nhuần giáo lý nhà Phật, khuyến thể nhân làm lành lánh dữ. Quả là tấm gương tốt đẹp cho đời sau.

Làng Mỹ Khánh còn được người đời nhắc đến với câu chuyện mang nhiều tình tiết cảm động nhưng không kém phần hùng tráng của một nhân vật nữ: bà Nguyễn Thị Tồn, thân gái một mình, lặn lội vạn dặm ra tận kinh thành Huế kêu oan cho chồng khỏi tội chết. Hành động của bà không những đã làm cho người đương thời cảm động, tôn kính mà cho đến thế hệ con cháu hôm nay khi nhắc đến vẫn không khỏi khâm phục, ngưỡng vọng người phụ nữ chân yếu tay mềm sẵn sàng hy sinh cả thân mình vì mạng sống của chồng. Việc làm của bà đã cảm hóa được triều đình, được Hoàng Thái Hậu Từ Dũ ban đặc ân và tặng bốn chữ vàng “*Liệt phụ khả gia*”.

Hai nhân vật lịch sử Thủ Huồn và bà Nguyễn Thị Tồn đã được người dân làng Mỹ Khánh nói riêng, người dân vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai nói chung luôn nhắc đến với lòng tôn kính, ngưỡng vọng, cảm phục khôn xiết, xem đó là truyền thống tốt đẹp của ông cha, là niềm tự hào của dân làng từ đời này sang đời khác.

Theo lời các bậc cao niên, người dân làng Mỹ Khánh sống thật thà, chất phác, chăm lo làm ăn. Nhưng ở họ, nhất là trai làng Mỹ Khánh rất có tinh thần thượng võ, ham côn quyền, ném trái lãn để luyện gân tay và giải trí sau giờ lao động mệt nhọc. Dân làng Mỹ Khánh sống bằng nhiều ngành nghề khác nhau. Vì làng nằm kề sông Đồng Nai nên có nhiều người làm nghề thương hồ lênh đênh sông nước. Cuộc sống của dân làng nhìn chung khá giả, no đủ về vật chất dẫn đến yêu cầu nâng cao đời sống tinh thần.

Làng Mỹ Khánh cũng nổi tiếng là làng hay chữ. Trong làng có một số gia đình khá giả rước thầy đồ giỏi về dạy cho con em mình, đồng thời cũng thu hút nhiều học trò phương xa tìm đến. Cho nên làng Mỹ Khánh từ lâu đã trở thành đất văn vật, góp công đào tạo nên nhà thơ Bùi Hữu Nghĩa, một trong bốn “*Rồng vàng*” của vùng đất Đồng Nai – Gia Định thời bấy giờ. Nhiều gia đình có con học hành tấn tới.

Ở Mỹ Khánh còn có một số thợ mộc đóng bàn, ghế, tủ, giường và dựng nhà nổi tiếng. Song đến nay, một trong những thế mạnh của địa phương là nghề làm gốm, gạch, ngói, lu, hủ... Từ khi Nông Nại Đại Phố được thành lập vào thế kỷ 17, nơi đây đã có những lò gạch ngói mà sản phẩm không chỉ đáp ứng nhu cầu tại chỗ mà còn được trao đổi, buôn bán ở nhiều địa phương khác. Lu, hủ ở vùng Tân Vạn, Bửu Hòa, Mỹ Khánh... theo đường thủy, đường bộ được mang đến tận miền Tây, miền Trung đổi lấy những mặt hàng thiết yếu khác.

Từ đầu thế kỷ 20, làng Mỹ Khánh có thêm tên tuổi của nghệ nhân Đặng Văn Quới là học sinh lứa đầu tiên của trường Mỹ nghệ Biên Hòa và sau đó là hàng chục người thuộc thế hệ sau được đào tạo tại ngôi trường này đã hình thành nên đội ngũ thợ gốm giỏi của Biên Hòa và cùng lập nên trường phái gốm mỹ nghệ Biên Hòa nổi tiếng một thời. Từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải

phóng đến nay, lần lượt các cơ sở, tổ hợp sản xuất gồm mỹ nghệ ra đời hoặc được khôi phục lại đã đào tạo nên những nghệ nhân nổi tiếng: Đỗ Nhân, Năm Trí, Nguyễn Thành Châu..., phát triển kỹ thuật gốm Biên Hòa ra mọi miền đất nước, tạo nên giá trị gốm cao góp phần làm cho gốm Biên Hòa vốn đã nổi tiếng càng nổi tiếng hơn.

Dân Mỹ Khánh – Bửu Hòa phần lớn thờ cúng tổ tiên theo tập quán lâu đời “*uống nước nhớ nguồn*”. Mỗi nhà đều có bàn thờ gia tiên đặt ở nơi trang trọng nhất. Các di sản văn hóa vật thể như nhà cổ, đình, đền, chùa... được xây dựng từ rất sớm và hiện hữu đến ngày nay như nhà cổ của ông Nguyễn Văn Sao, chùa Thanh Lương (ngoài thờ Phật còn có thờ linh vị Trần Thượng Xuyên), đình Mỹ Khánh (còn gọi là đền thờ Nguyễn Tri Phương), miếu Ngũ Hành, miếu Bà Chúa Xứ... là nơi thường xuyên dân làng đến vọng bái, tưởng nhớ đến các bậc tiền nhân đã có công gây dựng và bảo vệ vùng đất trù phú này... Các thế hệ con dân làng Mỹ Khánh xưa, ấp Tân Mỹ nay luôn bảo nhau ra sức gìn giữ đạo lý, truyền thống tốt đẹp của thế hệ cha ông đi trước và lưu truyền mãi cho con cháu mai sau.

Trên đây là đôi nét về quê hương bà Nguyễn Thị Tồn, nơi mà cả cuộc đời của bà gắn liền với nó. Bà sinh ra, lớn lên và làm rạng danh xứ Đồng Nai cũng xuất nguồn từ mảnh đất thân yêu này. Đến lúc nhắm mắt xuôi tay, thịt xương bà cũng gởi gắm vào lòng đất mẹ quê hương - nơi bà cất tiếng khóc chào đời. Tuy bình dị, hiền hòa như bao làng quê Nam Bộ khác nhưng lại cũng rất giàu truyền thống và chứa chan tình người.

III. THÂN THỂ CỦA BÀ NGUYỄN THỊ TỒN:

Hiện nay rất ít người biết về gia đình, dòng họ của bà Nguyễn Thị Tồn một cách cụ thể, họ chỉ biết đến tên bà qua hành động cứu chồng khỏi tội chết. Những tài liệu trước đây viết về bà và chồng (thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa) cũng rất hạn chế khi nói về gia đình, dòng họ của bà. Ngay cả gia phả của kiến họ Nguyễn Trí được lập vào năm 1942 cũng không nói đến tổ tiên của họ quê gốc từ đâu và vào vùng đất Đồng Nai sinh cơ lập nghiệp tự khi nào.

Theo lời ông Nguyễn Trí Lợi (cháu đời thứ 4 của bà Nguyễn Thị Tồn) thì có lẽ trong bối cảnh chung của lịch sử Đàng Trong lúc bấy giờ, khi Chương cơ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vâng lệnh Chúa Nguyễn Phúc Chu vào kinh lược đất Đồng Nai, “*mộ dân từ Quảng Bình trở vô chia thôn, đặt ấp*”, tổ tiên bà Nguyễn Thị Tồn là cư dân vùng Ngũ Quảng đã theo vào và định cư tại đây, một vùng đất bằng phẳng, thủy thổ phì nhiêu, nơi mà họ có thể sinh cơ lập nghiệp lâu dài. Đến đời ông Nguyễn Lý³ (còn gọi là Nguyễn Văn Lý, sinh năm 1793) thân phụ của bà Nguyễn Thị Tồn, đã sinh sống được gần 100 năm. Cho nên tính

³ Theo tài liệu của các ông: Nguyễn Văn Nghĩa, Đào Văn Hội, Ngô Văn Phát... mà người viết sưu tầm được đều ghi thân phụ bà Nguyễn Thị Tồn là ông Nguyễn Văn Lý. Tuy nhiên trong gia phả dòng họ Nguyễn Trí (ghi lại từ đời ông Nguyễn Lý cho đến nay) thì con trai đầu lấy họ và chữ lót là Nguyễn Trí. Ngay cả tên họ ông Lý cũng được ghi “Tổ phụ Nguyễn Trí Lý”. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn dùng tên Nguyễn Lý trong bài viết của mình là căn cứ vào bài vị của ông hiện đang được thờ ở nhà ông Nguyễn Trí Lợi, cháu đời thứ 5 của ông Nguyễn Lý.

theo thế hệ⁴ thì ông Nguyễn Lý thuộc thế hệ thứ 5 và bà Nguyễn Thị Tồn thuộc thế hệ thứ 6 của dòng họ Nguyễn Trí vào lập nghiệp ở làng Mỹ Khánh này.

Từ khi vào vùng đất mới lập nghiệp, đến đời ông Nguyễn Lý thì kiến họ Nguyễn rất nổi tiếng và có uy tín lớn trong làng Mỹ Khánh, tài vật dồi dào. Đất đai rất nhiều, gần như chiếm trọn cả vùng đất nằm dọc sông Đồng Nai của làng Mỹ Khánh. Ngày nay những phần đất này đã được con cháu trong dòng họ phân chia sinh sống, thờ cúng tổ tiên.

Dòng họ Nguyễn Trí của bà Nguyễn Thị Tồn là một dòng họ nho giáo, con cháu được học hành đến nơi đến chốn. Có người làm quan, cũng có người trở thành thầy giáo dạy học. Thân phụ bà, ông Nguyễn Lý (1793 – 1863) làm quan chuyên coi về thuế, giữ chức “Bạch đàm hộ trưởng”⁵. Ông là người có uy tín cao trong làng, đức độ, trọng người hiền tài, kẻ sĩ, từng giúp đỡ rất nhiều người khó khăn, cơ nhỡ, nhất là những ai có chí học hành. Nhiều người sau đó đã thành danh, trong đó nổi bật nhất là nhà thơ Bùi Hữu Nghĩa; người con rể của ông. Chính vì trọng chữ nghĩa mà con cháu của ông đều được học hành. Từ đây tạo nên truyền thống của gia đình, dòng họ: nghề tiếp nối nghề, con tiếp nối cha. Dòng họ Nguyễn Trí có nhiều người làm thầy giáo, làm nghề thuốc; vì thế truyền nối nhau cho đến thế hệ ngày nay. Từ ông Nguyễn Trí Tánh (cháu nội ông Nguyễn Lý) cho đến ông Nguyễn Trí Huân, Nguyễn Trí Lợi (cháu đời thứ 5 của ông Lý); chị Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Phương Chi (cháu đời thứ 6)... đều là những nhà giáo hoặc làm nghề thầy thuốc cứu người.

Bản thân bà Nguyễn Thị Tồn là trưởng nữ của ông Nguyễn Lý và bà Huỳnh Thị Đáp (1794 – 1869) nên việc chăm sóc 2 người em Nguyễn Trí Yên và Nguyễn Trí Thông do một tay bà đảm trách. Lớn lên bà kết duyên cùng ông Bùi Hữu Nghĩa, người làng Long Tuyền, tổng Định Thới, huyện Vĩnh Định, phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh (nay thuộc phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ), người được gia đình bà giúp đỡ học hành đến khi đỗ thủ khoa ở trường thi Gia Định được mở vào năm Ất Mão (1835). Cái tên Thủ khoa Nghĩa cũng từ đó được người đời biết đến.

Kết duyên cùng Bùi Hữu Nghĩa, bà sinh được 3 người con (1 gái, 2 trai) là Bùi Thị Xiêm, Bùi Hữu Vang (còn được viết là Vinh) và Bùi Hữu Tú. Nhưng người con gái lớn của bà không may mất sớm khi tuổi đời còn rất trẻ. Chính vì thế mà Bùi Hữu Nghĩa viết bài “*Văn tế con gái*”, thể hiện tấm lòng tiếc thương, đau xót của người cha đối với con gái bạc mệnh. Cùng với bài “*Văn tế vợ*”, “*Văn tế con gái*” của Bùi Hữu Nghĩa được người đời nhắc đến nhiều, hết thảy đều cảm động trước cái tình, cái nghĩa của ông.

Người con thứ của bà với Bùi Hữu Nghĩa là Bùi Hữu Tú là người văn hay chữ tốt, tính tình cương trực cũng không khác gì Bùi Hữu Nghĩa. “Bùi Hữu Tú giống Bùi Hữu Nghĩa chẳng phải về dung mạo thôi, mà cũng giống về đầu óc, tư tưởng nữa. Thấp người, mập mập, râu tốt; ông Tư Tú sinh tại làng Tú

⁴ Thông thường, cứ 25 năm được coi là một thế hệ.

⁵ Bây giờ ở Biên Hòa có tục thu đặng trắng (đặng được đương bằng lá Buông) thay vì tiền thuế, nên có tên “Bạch đàm hộ trưởng” để chỉ vị hộ trưởng coi về thuế má. (Theo Trục Trần: Tiểu sử cụ Thủ khoa Nghĩa – Tạp chí Tri Tân, số 98, năm 1943, trang 463).

Điền, chợ thủ Long Xuyên (ngang Cù Lao Giêng)”⁶. Bùi Hữu Tú cũng rất giỏi chữ Nho, xuất khẩu thành thơ, đời của ông là đời phiêu lưu, nay đây mai đó, khi thì ở Long Xuyên, khi thì ở Biên Hòa, khi đi Bình Thủy, lúc lại về Bến Gỗ... Thấy những điều trái tai, gai mắt, ông thường làm thơ mỉa mai, châm biếm.

⁶ Nguyễn Văn Nghĩa: Lịch sử và văn chương cụ Bùi Hữu Nghĩa và con trai Bùi Hữu Tú, Văn hóa thơ xã xuất bản, Sài Gòn, 1936, trang 54.

PHẦN II

BÀ NGUYỄN THỊ TÒN – LIỆT PHỤ ĐẤT ĐỒNG NAI

Đạo nghĩa vợ chồng mặn nồng, cuộc sống gia đình đầm ấm, hạnh phúc đã gắn bó bà Nguyễn Thị Tồn và Bùi Hữu Nghĩa với nhau như hình với bóng. Vì thế những thành bại trong đời quan trường hay trong sự nghiệp văn chương của Bùi Hữu Nghĩa không thể tách rời vai trò của bà Nguyễn Thị Tồn. Và ngược lại, khi nói đến liệt phụ Nguyễn Thị Tồn cũng không thể tách rời hình ảnh của nhà thơ Bùi Hữu Nghĩa, bởi lẽ việc bà góp phần làm rạng danh vùng đất Đồng Nai được xuất nguồn từ tình yêu chồng thiết tha đã thúc đẩy bà vượt đường xa ra tận đế đô đánh trống kêu oan cho chồng, cứu lang quân thoát khỏi án tử.

I. CUỘC ĐỜI BÀ NGUYỄN THỊ TÒN VÀ THỦ KHOA BÙI HỮU NGHĨA

“Đất chẳng phải chồng, sao nữ thịch xương hòa với đất.

Trời không chết vợ, đặng coi gan ruột thử cho trời”.

Câu đôi khóc vợ nghe thật nồng nàn nhưng cũng vô cùng chua xót, nghẹn ngào. Đó còn là tiếng kêu xé lòng trước sự ly biệt vĩnh hằng khiến người ngoài cuộc cảm thấy tê tái, bồi hồi. Nhà thơ Bùi Hữu Nghĩa đã trút cả tâm can, cả máu trong huyết quản vào những áng thơ văn bất hủ để khóc người vợ rất mực thương yêu, có ảnh hưởng lớn đến cuộc đời và sự nghiệp của ông: liệt phụ Nguyễn Thị Tồn – người góp phần làm rạng danh vùng đất Đồng Nai.

Bà Nguyễn Thị Tồn có con tên gọi là Diệu⁷, sinh và mất năm nào không rõ⁸; người làng Mỹ Khánh, tổng Chánh Mỹ Thượng, huyện Phước Chánh, tỉnh Biên Hòa (nay là ấp Tân Mỹ, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai). Bà là trưởng nữ của Bạch đàm Hộ trưởng Nguyễn Lý với bà Huỳnh Thị Đáp và là chánh thất của Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa, một trong bốn “Rồng Vàng” của thi đàn đất Đồng Nai – Gia Định.

⁷ Trục Trần : Tiểu sử cụ thủ khoa Nghĩa – Tạp chí Tri Tân , số 98, năm 1943, trang 462.

⁸ Theo bài vị thờ bà Nguyễn Thị Tồn ở chùa Nam Nhã (Bình Thủy- thành phố Cần Thơ) và theo ông Bùi Hữu Giáp (trong tạp chí phổ thông, số 114, ra ngày 1.11.1963) thì bà Nguyễn Thị Tồn mất nhằm ngày 24/11 (khuyết năm)

Bùi Hữu Nghĩa (1807-1872) còn có tên là Quang Nghĩa, hiệu là Nghi Chi; người làng Long Tuyền, tổng Định Thới, huyện Vĩnh Định, trấn Vĩnh Thanh (nay thuộc thành phố Cần Thơ). Ông xuất thân từ tầng lớp bình dân nghèo khổ, quanh năm xuôi ngược vất vả với nghề chài lưới. Nhưng cảnh thiếu thốn ấy không làm cho ông nao núng, trái lại đó là một cơ hội thử thách lòng nhẫn nại, chí cương quyết học tập để sau này trở nên thành đạt.

Nghe danh vùng đất Đồng Nai có nhiều bậc túc nho uyên thâm như các ông: Nhiêu Quỳnh, Đỗ Hoàn... nên ông Bùi Hữu Vi (thân phụ Bùi Hữu Nghĩa) muốn cho Bùi Hữu Nghĩa lên đây theo đòi nghiên bút, để sau này quyết chí lập thân, trở thành người hữu ích.

Lên tới Biên Hòa, Bùi Hữu Nghĩa bơ vơ nơi đất lạ quê người. Nghe danh ông Nguyễn Lý là người trọng nghĩa, hào sảng, Bùi Hữu Nghĩa tìm đến ngõ lời xin vào ở trọ nhà ông Nguyễn Lý để tiện bề thọ giáo với thầy đồ Đỗ Hoàn. Bắt đầu từ đấy, ông cố gắng học hành, không lúc nào xao lãng. Ông Đỗ Hoàn nhận thấy trong đám học trò của mình không ai học hành chăm chỉ và thông minh hơn Bùi Hữu Nghĩa.

Một hôm, ông Đỗ Hoàn đến nhà trọ của Bùi Hữu Nghĩa, khoe môn đệ xuất sắc của mình với thân phụ bà Nguyễn Thị Tồn và tỏ ý muốn mai mối cho đôi trai tài gái sắc được nên duyên chồng vợ. Quả như lời ông Đỗ Hoàn, nhờ siêng năng, thông minh, lanh lợi nên qua những năm tháng miệt mài đèn sách chốn cửa Khổng sân Trình, ông nổi tiếng là người giỏi thơ, hay chữ, được nhiều người biết đến. Nhưng Bùi Hữu Nghĩa không lấy việc hơn chúng bạn mà trở nên kiêu ngạo, bỏ phế việc học, ngày đêm lúc nào ông cũng ôn nhuần kinh sử. Chính vì thế mà ông Nguyễn Lý và gia đình rất cảm phục, yêu mến Bùi Hữu Nghĩa.

Tháng 2, năm Ất Mão (1835), nhằm năm Minh Mạng thứ 16, Bùi Hữu Nghĩa dự kỳ thi Hương ở Gia Định và đỗ giải nguyên (thủ khoa cử nhân). Cũng từ đây danh tiếng ông lừng lẫy khắp nơi.

Mến tài Bùi Hữu Nghĩa, ông Nguyễn Lý mở tiệc khao thưởng mừng ông thi đậu, lối xóm cũng lại nhà mừng ông cử tân khoa. Nhân dịp này, ông Nguyễn Lý ngõ lời muốn cho trưởng nữ - cô Nguyễn Thị Tồn – nâng khăn sửa ống quần cùng Bùi Hữu Nghĩa, hầu mưu cầu hạnh phúc cho đôi trai tài gái sắc. Duyên tình giữa bà Nguyễn Thị Tồn và vị Thủ khoa đã được cha bà định đoạt từ đấy.

Cảm kích lòng ưu ái của ông hộ trưởng Nguyễn Lý và thâm tình của người con gái làng Mỹ Khánh, ông Bùi Hữu Nghĩa xin phép về Long Tuyền thỉnh lệnh cha mẹ rồi sẽ lên kính đáp. Hai vợ chồng ông Hộ trưởng đều ưng chịu.

Tiệc mãn, ông Hộ trưởng Nguyễn Lý cho ghe đưa Thủ khoa Nghĩa về thăm gia đình ở Long Xuyên.

Sau kỳ thi Hương ở Gia Định được một năm, Bùi Hữu Nghĩa ra Huế dự thi Hội, nhưng không đỗ. Tuy nhiên, ông vẫn được bổ vào tập sự ở bộ Lễ, chờ kỳ thi tuyển bổ. Được ít lâu, ông được triều đình bổ nhậm chức tri huyện phủ Phước Long, tỉnh Biên Hòa. Sau khi nhậm chức, Bùi Hữu Nghĩa được lệnh huyện đường chấp nhận cho ông làm lễ thành hôn với bà Nguyễn Thị Tồn.

Là người con hiếu thảo, lại có lòng cảm mến tài đức của Bùi Hữu Nghĩa từ lâu, bà Nguyễn Thị Tồn thuận theo ý cha kết duyên cùng Thủ khoa Nghĩa. Từ đây cuộc đời của hai người luôn luôn gắn bó, ảnh hưởng lẫn nhau.

Về mối lương duyên này, có một giai thoại còn truyền đến ngày nay. Chuyện kể rằng: khi hồi hương, Thủ khoa Nghĩa ghé Biên Hòa thăm thầy giáo cũ của mình rồi thẳng đường về Bình Thủy, không ghé nhà ông Hộ trưởng Lý, nơi mà ông ở trọ lúc chưa thành danh. Vừa rời nhà cụ đồ Hoành, bỗng có người con gái chạy ra ngăn đường, nắm lấy đầu võng mà “dạy” cho ông “Tiến sĩ hự” một bài học về lễ giáo. Vị tân quan này biết phục thiện, vội vàng tạ lỗi người con gái trước sự ngạc nhiên của dân chúng ven đường và đám quân hầu. Hóa ra, đây chính là cô Nguyễn Thị Tồn, con gái của ông Nguyễn Lý, người vợ hứa hôn trước. Ghé lại nhà ân nhân, sau bữa tiệc linh đình khoản đãi, sau những lời hẹn hứa về tương lai, Thủ khoa Nghĩa trở về làng cũ và nhờ người chị cả là bà Hai Thừa mang lễ vật lên tận Biên Hòa hỏi cô gái lớn của ông Hộ trưởng làm vợ. Ít lâu sau, đám cưới của họ được cử hành.

Khoảng thời gian Bùi Hữu Nghĩa làm tri huyện tại phủ Phước Long là khoảng thời gian bà Nguyễn Thị Tồn và Bùi Hữu Nghĩa được hưởng trọn vẹn những hương vị mặn nồng nhất của tình nghĩa vợ chồng và đây cũng là những tháng ngày tươi đẹp nhất trong cuộc đời làm vợ của bà Nguyễn Thị Tồn. Cuộc sống gia đình hạnh phúc như thế đã tạo nên sự gắn bó, tác động, ảnh hưởng lẫn nhau trong suy nghĩ, phẩm chất, tính cách của bà Nguyễn Thị Tồn và nhà thơ Bùi Hữu Nghĩa.

Nếu như Bùi Hữu Nghĩa là một người rất mực thanh liêm, cương trực, tánh tình ngay thẳng, mọi việc gì ông cũng lấy lẽ công bằng, chính trực mà xét đoán, thì bà Nguyễn Thị Tồn cũng thế. Ở bà cũng hội tụ những phẩm chất cao quý của một người phụ nữ: hiền thực, đoan trang, khéo léo, thủy chung, yêu chồng, thương con... nhưng cũng sẵn lòng quả cảm để đối phó, đương đầu với những bất công. Ở ông và bà còn là mẫu người gan dạ, dũng cảm, nhưng cũng rất chí nghĩa, nặng tình.

Trần nhậm ở Biên Hòa một thời gian, triều đình có lệnh thuyên chuyển Thủ khoa Nghĩa đi nhậm chức tri huyện phủ Trà Vang, tỉnh Vĩnh Long. Vì tính ông cương trực, ngay thẳng nên bị quan trên ghen ghét. Nhân vụ Láng Thέ, chúng quy tội giết người do Bùi Hữu Nghĩa xúi giục, bắt giam ông ở Vĩnh Long, rồi giải về Gia Định, lên án tử hình, dâng sớ về Huế chờ triều đình phê chuẩn.

Láng Thέ (nơi Bùi Hữu Nghĩa đang trần nhậm) là vùng có nhiều nguồn lợi cá, tôm. Nơi đây thuộc quyền khai thác của những người nông dân Khome. Họ đánh, bắt cá mà không phải đóng thuế, vì trước đây Nguyễn Ánh đã chịu ơn những người nông dân vùng này trong lúc trốn chạy nghĩa quân Tây Sơn. Sau khi lên ngôi, vua Gia Long xuống chiếu miễn thuế thủy lợi vĩnh viễn cho họ. Thấy được nguồn lợi dồi dào của rạch sông Láng Thέ, một tên địa chủ người Hoa liền đem tiền bạc lo lót Tổng Đốc Trương Văn Uyển và Bố Chánh Truyện (quan đầu tỉnh Vĩnh Long) để được độc quyền khai thác nguồn thủy sản ở đây. Tổng Đốc Trương Văn Uyển và Bố Chánh Truyện thấy tiền “lóa mắt” mà ký giấy bán nguồn thủy lợi ở Láng Thέ cho tên địa chủ người Hoa. Bất bình trước sự cưỡng đoạt nguồn thủy lợi của các quan đầu tỉnh Vĩnh Long, các hương mục người Khome kéo nhau đến dinh môn tri huyện Bùi Hữu Nghĩa để thưa kiện. Bùi Hữu Nghĩa thấy việc bán thủy lợi ở Láng Thέ của Tổng Đốc Trương Văn Uyển và Bố Chánh Truyện là trái phép đã làm ảnh hưởng đến cuộc sống của nhiều gia đình nông dân, nên ông xử họ được quyền khai thác tiếp tục nguồn thủy lợi rạch Láng Thέ. Dân được lời xử ấy mừng rỡ, liền kéo ra phá đập, bừa sọ của tên địa chủ kia. Hai bên chẳng chịu nhường nhịn nhau nên đã xảy ra cuộc huyết chiến, kết cuộc bên tên địa chủ có 8 người bị chém chết. Sau đó nhiều người dân bị bắt. Tổng đốc Trương Văn Uyển và Bố Chánh Truyện cũng cho lính xuống bắt luôn Bùi Hữu Nghĩa đem về giam ở Long Hồ (Vĩnh Long), chờ xét xử. Vốn thù ghét Bùi Hữu Nghĩa từ lâu, Tổng đốc Trương Văn Uyển và Bố Chánh Truyện kết án tử hình Bùi Hữu Nghĩa, giải ông về Gia Định, chờ sự phê chuẩn của triều đình.

Yêu chồng, cảm phục tính cương trực, thẳng thắn của chồng, bà Nguyễn Thị Tồn không ngần ngại đường xa nguy hiểm, can đảm ra tận Huế kêu oan cho chồng. Đến Huế, bà Nguyễn Thị Tồn nghe danh Phan Thanh Giản là một bậc đại thần công minh, chính trực, lúc bấy giờ là Lại bộ thượng thư, bà tìm đến dinh Phan Thanh Giản và trình bày nỗi oan của chồng bà là Bùi Hữu Nghĩa. Phan Thanh Giản nghe qua rất cảm động và hứa sẽ giúp đỡ bà. Cụ Phan Thanh Giản chỉ vẽ đường lối cho bà hành động, rồi làm dùm cho bà một tờ trạng tố nỗi oan ức trình lên nhà vua, đồng thời cụ Phan còn chỉ bảo bà đem một nén vàng biếu cho ông đội, để ông đội cho bà đánh trống.

Đến canh năm hôm đó, bà Nguyễn Thị Tồn đi đến tòa Tam Pháp ở trong kinh thành Huế và mạnh dạn khua ba hồi trống kêu oan cho chồng.

Hành động nổi tiếng đó của bà Nguyễn Thị Tồn thể hiện cái chí, cái tình của một người vợ trước nỗi oan của chồng. Đối với bà Nguyễn Thị Tồn, nỗi oan của Bùi Hữu Nghĩa cũng chính như nỗi oan của bà, cho nên bà quyết lòng ra Huế kêu oan, quyết lòng đấu tranh bảo vệ công lý, bảo vệ hạnh phúc của mình.

Có thể nói, bà Nguyễn Thị Tồn hy sinh tất cả vì sự nghiệp của Bùi Hữu Nghĩa, bà gắn liền cuộc đời của bà với cuộc đời của Bùi Hữu Nghĩa đến khi nhắm mắt xuôi tay.

Đối với Bùi Hữu Nghĩa cũng thế, ông cũng là một người chồng chí tình, hết lòng yêu thương vợ, con. Sau khi bà Nguyễn Thị Tồn đã mất, ông tự trách cái chết của vợ do mình gây ra. Đó là một mất mát không gì có thể bù đắp được, vì thế hầu hết những tác phẩm nổi tiếng trong sự nghiệp văn chương của ông sau này đều liên quan đến vợ, con ông.

Sau khi được vợ minh oan, Bùi Hữu Nghĩa bị triều đình bắt đi lính ở đồn Vĩnh Thông (biên giới An Giang ngày nay), chờ ngày lập công chuộc tội. Nhờ công trạng, ông được thăng lên chức Phó quản cơ và được giao giữ đồn Vĩnh Thông. Ít lâu sau, Bùi Hữu Nghĩa cảm thấy buồn chán, xin từ quan về sống thanh nhàn ở quê nhà. Ông mở trường dạy học, vui thú điền viên. Hình ảnh cao đẹp của người vợ hiền Nguyễn Thị Tồn trung trinh, tiết liệt, không màn đến bản thân, liều thác vì sinh mạng của chồng, vì sự nghiệp của chồng luôn theo suốt cuộc đời ông và luôn có ảnh hưởng không nhỏ đến quãng đời còn lại của ông.

Thời gian Bùi Hữu Nghĩa làm quan tại Biên Hòa là thời gian mà tình cảm của bà Tồn gắn bó với ông hơn bao giờ hết. Ông và bà đùm bọc, thương yêu nhau. Hơn nữa, đối với chồng, bà Tồn luôn làm tròn trách nhiệm của một người vợ. Bà đảm đang lo mọi việc trong gia đình để Bùi Hữu Nghĩa yên tâm lo việc nước. Nhưng hạnh phúc ấy thật ngắn ngủi, chẳng bao lâu cảnh biệt ly lại xảy đến, Bùi Hữu Nghĩa bị thuyên chuyển về làm tri huyện ở phủ Trà Vang (Trà Vinh). Lúc này, vai trò của bà Nguyễn Thị Tồn đối với sự nghiệp của Bùi Hữu Nghĩa thể hiện rõ nét nhất. Bà hy sinh tất cả cho sự nghiệp của chồng, bất chấp ốm đau, sức người phụ nữ có hạn. Bà tảo tần buôn bán, làm ruộng để lo cho gia đình ở quê nhà, đồng thời dành dụm tiền bạc đi xuống vùng Trà Vang thăm chồng. Bởi lẽ, hơn ai hết bà Nguyễn Thị Tồn hiểu rõ tính tình của Bùi Hữu Nghĩa như thế nào. Bà biết chồng làm quan rất chân chính, trung thực, không lấy của hối lộ... Cho nên, đối với bà Nguyễn Thị Tồn việc chu cấp tài lực cho ông Bùi Hữu Nghĩa là trách nhiệm mà bà phải làm tròn.

Mặc dù, thời gian Bùi Hữu Nghĩa bị đày đi lính xa như vậy, cũng không thể nào ngăn cản được tình cảm của bà Nguyễn Thị Tồn dành cho chồng. Bà vượt đường xa ra tận biên ải thăm chồng để thỏa lòng nhớ nhung.

Hơn thế nữa, qua tình cảm nồng thắm của đạo nghĩa vợ chồng, bài “*Văn tế vợ*” của Bùi Hữu Nghĩa giúp chúng ta hiểu sâu hơn những sự việc, những tình huống éo le, trái ngang của ông và bà sau những ngày nhà thơ gặp đại nạn. Như việc bà Nguyễn Thị Tồn trong lúc bụng mang dạ chửa, sức khỏe yếu ớt vẫn một mực đòi theo Bùi Hữu Nghĩa đến Vĩnh Thông. Nhưng vì lẽ nào đó, cuộc đi bất thành, mãi đến khi sanh nở, bà Nguyễn Thị Tồn mới khăn gói “bồng con trẻ xuống thuyền” quyết lòng ra đi tìm chồng – nơi thường xảy ra những cuộc đánh nhau ở vùng biên giới hẻo lánh, đầy sơn lam, chướng khí. Nhưng tất cả những trở ngại đó không thể ngăn cản nổi quyết tâm của bà. Chuyến đi của một người vợ với mong muốn thăm chồng tận chốn biên cương.

Tình cảm thắm thiết của bà Nguyễn Thị Tồn dành cho chồng còn thể hiện: cứ mỗi lần Bùi Hữu Nghĩa về thăm bà, nhà Nguyễn Thị Tồn đều cảm động, sụt sùi, bịn rịn trước lúc chia tay. Bà quyến luyến, không muốn rời xa chồng.

Suốt bao năm gian khổ vì chồng, hy sinh tất cả cho chồng, hết lo âu này đến lo âu khác, bà Nguyễn Thị Tồn làm sao bảo toàn được sức khỏe. Bà lâm bệnh và tạ thế vào ngày 24 tháng 11 (âm lịch).

Ngày 21 tháng giêng năm Nhâm Thân (1872), thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa từ trần, hưởng thọ 66 tuổi, an táng ở làng Long Tuyền (Bình Thủy – Cần Thơ). Ông qua đời đã gây xúc động lớn trong nhân dân. Tại chùa Nam Nhã ở làng Bình Thủy còn bài vị thờ ông và cùng bà chánh thất Nguyễn Thị Tồn, kế thất Lưu Thị Hoán.

II. SỰ KIỆN BÀ NGUYỄN THỊ TỒN LÀM NÁO ĐỘNG KINH THÀNH HUẾ

Bà Nguyễn Thị Tồn được người đời biết đến không chỉ là một người phụ nữ đảm đang, mà còn là một phụ nữ khí phách hơn người. Để cứu chồng, bà đã vượt qua những ràng buộc của lễ giáo phong kiến thời bấy giờ để ra Huế đánh trống kêu oan. Sự kiện có một không hai đó của bà Nguyễn Thị Tồn được xuất phát từ hoạn lộ quan trường của nhà thơ Bùi Hữu Nghĩa.

Ở Biên Hòa một thời gian, triều đình có lệnh tuyên chuyển thủ khoa Nghĩa đi nhậm chức tri huyện phủ Trà Vang, tỉnh Vĩnh Long. Ông tòng sự dưới quyền Tổng Đốc Trương Văn Uyên và Bố Chánh Truyện – quan đầu tỉnh Vĩnh Long. Vì tính ông cương trực, ngay thẳng nên bị quan trên ghen ghét. Nhân vụ

Láng Thê, chúng quy tội giết người do Bùi Hữu Nghĩa xúi giục, bắt giam ông ở Vĩnh Long, rồi giải về Gia Định, lên án tử hình, dâng sớ về Huế chờ triều đình phê chuẩn...

Ở quê nhà, bà Nguyễn Thị Tồn nghe tin chẳng lành như sét đánh ngang tai. Bà biết chồng bị kết tội oan, bị bọn quan đầu tỉnh chèn ép sớm muộn gì bọn chúng cũng kết tử hình chồng mình. Bà Nguyễn Thị Tồn thấy việc nguy cấp lo sợ, nhưng trước nỗi oan lớn nhất trong cuộc đời làm quan của Bùi Hữu Nghĩa, bà quyết lòng liều thác ra tận đế đô diện kiến vua để biện tội chết cho chồng, đồng thời vạch mặt bọn quan đầu tỉnh xấu xa.

Hành động đó của bà Nguyễn Thị Tồn đã làm nổi bật lên tính cách của người phụ nữ Đồng Nai nói riêng và người phụ nữ Nam Bộ nói chung. Người Đồng Nai vốn thật thà, chất phác. Ở họ dù kính vua, nhưng họ cũng sẵn sàng ứng phó chống bất công, chống sắc chỉ vua ban ra mà thiếu chính nghĩa. Đồng thời, sự phát triển của kinh tế hàng hóa cũng làm cho người phụ nữ Đồng Nai mau chóng phóng tầm mắt ra khỏi ranh giới của xã, của huyện, tỉnh. Người phụ nữ có dịp mua bán, giao thiệp với người nước ngoài. Cửa cổng phong tục, lễ giáo, đạo đức không thể đóng kín mãi được nữa. Tâm lý, tinh thần của người phụ nữ tất phải có những nét mới. Bà Nguyễn Thị Tồn cũng thế, xuất phát từ nếp sống, nếp nghĩ của con người Đồng Nai đã có từ trước, bà không ngại gian lao hay thân gái dặm trường, tiếng đời thị phi. Bà vẫn một mực quyết ra Huế minh oan cho chồng, đấu tranh bảo vệ công lý, bảo vệ hạnh phúc của chính mình.

Mặt khác, sự quyết chí ra Huế minh oan cho chồng của bà Nguyễn Thị Tồn còn được thúc đẩy từ những yếu tố khách quan. Bà là người có học, lại sống trong gia đình nho giáo. Cho nên, bà Tồn hiểu rõ những yếu tố khách quan cũng có thể giúp bà cứu chồng thoát khỏi tội chết. Bà biết rằng: Mẹ vua Tự Đức, bà Từ Dụ Hoàng Thái Hậu là người Gò Công (Tiền Giang), là người nhân đức; quan Lại bộ Thượng Thư Phan Thanh Giản, người Bến Tre là vị quan chính trực. Và lại, việc làm của bà đúng với đạo lý của người Việt Nam, đúng với công lý thì làm sao bậc mẫu nghi thiên hạ, bậc đại quan trung thần lại ngoảnh mặt làm ngơ.

Hơn nữa, là dân Biên Hòa, bà Nguyễn Thị Tồn nghe người đương thời nhắc nhiều đến vợ Mạc Cửu, người phụ nữ Biên Hòa đầu tiên dám vượt đường xa, đi buôn xuống tận vùng Hà Tiên – Châu Đốc. Tấm gương đó đã gián tiếp động viên bà Tồn càng nhất quyết ra đi.

Như vậy, trước biến cố khôn lường và nỗi uất tình ấy, để cứu chồng, bà Nguyễn Thị Tồn đã làm một việc ghi lưu trong sử sách: ra tận kinh thành Huế minh oan cho chồng.

Một mặt, bà Tồn thu xếp việc nhà, sắp sửa hành trang, chuẩn bị lên đường ra Huế, một mặt bà xuống thuyền tức tốc xuống Trà Vang toan tính và cậy nhờ ông Quản Kiệm – người em bạn dì của Bùi Hữu Nghĩa – lo việc lập mưu lấy tờ chiếu của triều đình Huế truyền vào xử tử ông Bùi Hữu Nghĩa mà giấu đi. Ông Quản Kiệm nghe lời bà, sau khi toan tính kỹ, ông lo đón lính trạm của vua đem chiếu chỉ vào. Ông lân la, giao thiệp thân mật với lính trạm, niềm nở tiếp đãi tử tế, cho ăn uống, phục rượu cho họ say rồi dỡ ống tre⁹ ra coi lén, sau đó đánh cắp tờ chiếu giấu đi rồi niêm lại. Nhờ vậy, ông Quản Kiệm mới lấy được chiếu của vua xử tử Bùi Hữu Nghĩa “tam ban triều điển” đem chôn cất. Nhờ mưu tính thành công, tờ chiếu của vua mới được giấu đi. Bởi lẽ, tờ chiếu có giấu được, ông Bùi Hữu Nghĩa mới khỏi bị đưa ra pháp trường; tờ chiếu có giấu được, bà Nguyễn Thị Tồn mới có đủ ngày giờ ra tới kinh đô minh oan cho chồng.¹⁰

Công việc trộm chiếu chỉ của nhà vua đã xong. Bà Nguyễn Thị Tồn yên lòng, bà tức tốc xuống ghe bầu đi thẳng ra Huế. Từ Long Hồ (nay là Vĩnh

⁹ Hồi trước, chiếu chỉ của nhà vua bỏ vô ống tre, giao cho lính trạm cưỡi ngựa đem đi (theo tài liệu của Nguyễn Văn Nghĩa).

¹⁰ Vấn đề này, theo tài liệu của ông Nguyễn Văn Nghĩa thì có người nói “Ông Quản Kiệm thừa đem trèo thành vô ngục, ông thủ khoa Nghĩa làm một tờ cung trạng, biểu đem về cho bà Tồn cầm ra kinh minh oan cho ông”. Có người lại nói : “Ngày các quan tỉnh Vĩnh Long hội công đồng án, ông Bùi Hữu Nghĩa đứng ra xin các quan cho phép coi cái án của mình. Tay cầm án, ông bước ra chỗ sáng mà xem. Xem rồi xếp lại. Thừa dịp người ta không để ý, ông Quản Kiệm nhảy tới đoạt bản án chạy ra ngoài trao cho bà Nguyễn Thị Tồn. Còn ông thì chạy thẳng về An Giang, để cho quân theo bắt lạc đường. Nhờ sự che chở của các quan đầu tỉnh ở đây, đều có cảm tình với thủ khoa Nghĩa, ông Quản Kiệm vô tội vì không có bằng cứ. (Thuyết này do ông Nguyễn Đại Liên, tục gọi là ông Năm Bảo ở Bình Thủy nói lại rằng do cụ Nguyễn Phước Dương, một cao đồ của Thủ khoa Nghĩa thuật lại – Theo Trục Trần, Tạp chí Tri Tân, số 99, 1943, trang 489). Cũng theo ông Nguyễn Văn Nghĩa, trong cuốn “Lịch sử và văn chương cụ thủ khoa và con là Bùi Hữu Tú” thì ông có đến nhà bà Nguyễn Thị Tồn ở Mỹ Khánh (Biên Hòa) hỏi thăm một bậc kỳ lão – bà con với bà thủ khoa. Bậc kỳ lão đó nói rằng “Khi ông Bùi Hữu Tú, con trai bà chánh thất Nguyễn Thị Tồn, sanh tiền có nói : bà Thủ khoa nhờ Quản Kiệm gỡ ống tre của lính trạm, lấy chiếu chỉ của vua giấu đi, ông Thủ khoa mới khỏi chết chém”. Trưa ngày thứ tư, ngày 27.5.1936, ông Nguyễn Văn Nghĩa có nhận bức thư của thầy giáo Nguyễn Văn Giai (cháu ngoại ông thủ khoa Nghĩa), trong đó thầy cho hay lời nói của bậc kỳ lão đó là đúng sự thật.

Long), bà đi qua Định Tường (nay là Mỹ Tho) và kiếm ghe bầu, chịu tiền “quá giang” ra Huế. cụ Phan Thanh Giản vừa được bổ làm Lại bộ Thượng thư sung cơ mật viện đại thần. Bà Nguyễn Thị Tồn tới Huế, nghe Phan Thanh Giản là bậc đại thần, công minh, chính trực. Bà bèn tìm đến tư dinh của cụ Phan Thanh Giản để trình bày nỗi oan ức của chồng, rồi tường thuật các hành vi lộng quyền của các cơ quan đầu tỉnh Vĩnh Long. Sau cùng, bà tỏ ý muốn đến Tam Pháp Ty để kêu oan. Cụ Phan thương người đồng hương, sẵn sàng giúp người liệt phụ xứ Đồng Nai. Cụ cho bà ở tạm trong dinh, cụ còn viết dùm cho bà tờ trạng tố nỗi khúc oan để trình lên nhà vua. Bà Nguyễn Thị Tồn học thuộc lòng tờ trạng đó. Đồng thời, cụ Phan cũng chỉ bảo đường đi nước bước, dạy cả lễ nghi triều đình khi vua lâm triều. Ngài không quên chỉ bảo bà Nguyễn Thị Tồn đem biểu ông đội – người canh gác, coi giữ dùi trống tòa Tam pháp – một nén vàng. Ông đội đồng ý và chấp thuận để cho bà đánh trống.

Theo học giả Bửu Kế, ông viết trong tạp chí Bách Khoa xuất bản ngày 1/12/1960, trang 21, Tam Pháp Ty là một tòa án tối cao, gồm có ba cơ quan hợp lại. Dưới triều Minh Mạng, Tam Pháp Ty trực thuộc nhà vua. Năm Ất Dậu (1885) vì có chiến cuộc giữa ta và Pháp, nên cơ quan này ngừng hoạt động một thời gian. Đến năm Thành Thái thứ 13 (1901), cơ quan này được thiết lập lại, cho đến năm Thành Thái thứ 18 (1906) thì bãi bỏ, rồi tất cả mọi việc đều giao cho Bộ Hình xét xử.

Tam pháp ty gồm có nhân viên cao cấp của Bộ Hình, Đô Sát Viện và Đại Lý tự hợp lại, không có hạn định kỳ, chỉ có những phiên nhóm bất thường để xét xử những vụ đặc biệt, cần đến sự can thiệp trực tiếp của nhà vua. Nhất là những việc oan ức, những án chung thẩm đã ban hành, phạm nhân không biết kêu ca vào đâu nữa thì có thể nhờ đến Tam Pháp Ty.

Tại Tam Pháp Ty có đặt 1 cái trống, những kẻ bị xử oan hoặc gia nhân đến đánh vào cái trống ấy, gọi là “kích cổ đặng vãn” (đánh trống cho người trên nghe). Lúc bấy giờ trong thành nội, quan cũng như dân, không ai được phép đánh trống. Cho nên trong Đại Nội, nghe tiếng trống người ta biết ngay hiện có kẻ bị oan khuất đang cầu cứu đến nhà vua để được “đền trời soi xét”.

Nghe tiếng trống, một người đội hoặc một người lính liền bắt ngay người đánh trống và trói lại, đoan đem tờ tấu ấy đưa cho Trục Thần (tức là ông quan trực trong Nội). Ông quan này dâng ngay lên vua. Xem xong vua giao cho Tam Pháp Ty xét xử và chính nhà vua giữ việc chung thẩm cho bản án này.

Nếu kẻ kêu oan mà gian dối thì sẽ bị ghép vào tội khi quân mà nghiêm trị.

Trở lại việc của bà Nguyễn Thị Tồn. Ngày giờ hành động đã được cụ Phan Thanh Giản sắp đặt trước và việc gì phải đến đã đến. Đúng kỳ hẹn ước, ông đội uổng thuốc xô (bả đậu) đi đại tiện. Bà Nguyễn Thị Tồn thức rạng đêm, đợi cho gà gáy đầu canh năm, bà đến tòa Tam Pháp, đem theo một khúc cây thay cho dùi trống mà không bị ai cản trở. Bà đến trước sân châu, mạnh dạn khua ba hồi trống làm kinh động cả trong cung ngoài thự.

Ngự lâm quân đang canh gác hốt hoảng chạy sập ngựa, ào tới tòa Tam Pháp. Các quan cũng lập tức vào triều. Quân đến kéo tay, bà bảo bà là đàn bà có chồng, nếu níu kéo, bà tự tử chết liền nơi đây. Trước lời nói chắc thép của bà Nguyễn Thị Tồn như thế, các quan dạy quân đem dây lụa choàng ngang lưng bà và dẫn bà vào triều kiến vua.

Nghe trống đánh loạn đả, vua Tự Đức lâm triều. Quan Trực Thân liền đem dâng cho vua xem tờ cáo trạng của bà Nguyễn Thị Tồn. Nhà vua xem qua, liền hội đình thần lại để nghe bà Nguyễn Thị Tồn biện bạch nỗi oan ức của chồng.

Bà vào, quỳ xuống chính giữa điện, đầu đội trạng bạch¹¹. Vua Tự Đức phán hỏi bà có oan ức việc gì. Bà Nguyễn Thị Tồn tâu xin cho bà đọc thuộc lòng lời minh oan và bà đọc từ chap theo nghi lễ triều đình như cụ Phan Thanh Giản chỉ dạy. Khi tấu nhạc và hành lễ, bà ngưng đọc, khóc rất thảm thiết. Lúc nhạc dứt tiếng, bà lại đọc. Lời lẽ phân minh, bà Nguyễn Thị Tồn biện bạch từ đầu chí cuối nỗi oan ức của chồng bà là Bùi Hữu Nghĩa. Vua, quan trong triều nghe thấy đều động lòng thương.

Nhờ ở tài ăn nói, ở sự tận tâm, bà Nguyễn Thị Tồn đã cảm hóa được cả triều đình Huế.

Cảm kích lòng trung trinh, tiết liệt của bà Nguyễn Thị Tồn và tính cương trực của ông Bùi Hữu Nghĩa, vua Tự Đức phán tạm ngưng tội tử hình của Bùi Hữu Nghĩa, giao cho tòa Tam Pháp thẩm định phân minh. Tòa Tam Pháp lãnh mạng, lấy các lời cung chiếu. Khi xong, chính nhà vua chung thẩm bản án. Vua xuống chiếu xóa bỏ tội tử hình cho Bùi Hữu Nghĩa.

III. CÁI CHẾT CỦA BÀ NGUYỄN THỊ TỒN VÀ LỜI AI ĐIỀU CỦA BÙI HỮU NGHĨA

¹¹ Trạng bạch là tờ sớ không biết chữ, tỏ rõ người bị hàm oan. Cho nên, người đội tờ trạng thể hiện muốn kêu oan, muốn gặp trực tiếp người mình muốn kêu oan.

Cứu được chồng thoát khỏi tội tử hình, bà Nguyễn Thị Tồn lưu lại kinh đô một tháng. Sau đó bà quá giang ghe bầu trở về xứ. Ngày về đến quê hương Biên Hòa, bà được quan tỉnh ra tiếp đón long trọng.

Vợ chồng trùng phùng. Thủ khoa Nghĩa vâng mệnh đi trấn đồn Vĩnh Thông (Châu Đốc). Vì sự đời thay đổi không theo ý muốn, bà Tồn đành xa chồng về ở quê cũ đến khi lâm bệnh và mất tại đó¹². Lúc ấy Thủ khoa Nghĩa đang trấn nhậm đồn Vĩnh Thông. Thi hài bà được quản lại chờ đến khi ông về đọc bài văn tế thống thiết rồi mới an táng tại làng Tân Hiệp, tổng Chánh Mỹ Thượng, huyện Phước Chánh, tỉnh Biên Hòa (nay là phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa)¹³.

¹² Xung quanh cái chết của bà Nguyễn Thị Tồn, có nhiều truyền thuyết khác nhau: Có người nói : “Khi bà Tồn ra Huế minh oan cho ông thủ khoa Nghĩa, bà quá giang ghe bầu, bị người lái ghe là ba Nài làm bức. Vì vậy, khi đi minh oan ở tòa Tam Pháp về được ít lâu, bà tự ái chết. Và cũng vì đó, sau này hễ ai hiệp đáp đàn bà, con gái, người ta đều gọi là ba Nài”. Người khác, ông Huệ Tâm – tác giả bài “Thủ khoa Nghĩa khóc vợ”, đăng ở báo Đuốc nhà Nam, số 11, ra ngày thứ sáu 13.12.1935 nói: “Nhờ bà ra tận để đô minh oan cho chồng, nhờ vậy mà ông Bùi Hữu Nghĩa mới được tha về. Thử ấy, đường đi trong Nam ra tới ngoài miền Trung lấy làm gay go hiểm trở, vì thế bà phải quá giang ghe một người bạn của chồng làm quan trong Nam có việc về Kinh. Giữa đường, ông bạn trở lòng làm bức. Bà hết sức van xin với ông bạn để được tròn tiết nghĩa. Nhưng lạ gì dịp may ít có của con người lợi dụng. Bà hết sức đau lòng muốn chết quách cho xong nhưng nghĩ lại thương chồng còn ở chốn ngục hình lao khổ. Bà nghĩ thế nên không lòng tự tử, ra tận triều đình minh oan cho ông được khỏi vòng lao lý. Khi chồng được khỏi tội, về tới nhà, bà nghĩ hổ mình, ra sau vườn treo mình tự ái”. Nhưng theo ông Nguyễn Văn Nghĩa, trong tác phẩm “Lịch sử văn chương cụ Thủ khoa và con là Bùi Hữu Tú”, xuất bản 1936 thì: hai câu đối khóc vợ của cụ Thủ khoa khi bà Nguyễn Thị Tồn mất, cho thấy: bà Tồn chết vì bệnh, chứ không phải tự tử. Hơn nữa, cũng theo ông Nguyễn Văn Nghĩa thì ông Bùi Hữu Tú và thầy giáo Nguyễn Văn Giai đều công nhận bà Nguyễn Thị Tồn mất vì bệnh. Cho nên, hai thuyết trên đều không đúng.

¹³ Có tài liệu cho rằng, thi hài bà Tồn được chôn ở thôn Tân Vạn, tổng Chánh Mỹ Thượng. Việc truy tìm mộ phần của bà Nguyễn Thị Tồn, cho đến nay, người ta vẫn chưa tìm ra, dù trước đó, có các học giả: Nguyễn Văn Nghĩa, Đào Văn Hội, Bảo Định Giang, Huỳnh Ngọc Trảng... có dày công đi tìm, nhưng vẫn không có kết quả gì khả quan. Theo ông Huỳnh Văn Sao cháu nhiều đời của bà Huỳnh Thị Đáp, hồi nhỏ ông có nghe ông nội kể lại rằng bà Tồn sau khi minh oan cho chồng trở về bằng đường bộ, dọc đường bị bọn gian thần theo ám hại, bà chết dọc đường, không tìm thấy xác. Theo ông Nguyễn Trí Dạng và ông Nguyễn Trí Lợi cháu nhiều đời của bà Tồn, khi còn bé đi tảo mộ cùng những người lớn trong gia đình có chỉ mộ của bà Tồn nằm gần mộ ông Nguyễn Lý chôn ở Đốc Núi, phường Bửu Hòa. Sau khi xây dựng trường Trần Văn Ôn, gia đình ông bốc mộ bà Tồn về phường Tân Vạn, TP. Biên Hòa. Năm 2012, ông Nguyễn Trí Lợi có dẫn chúng tôi đến ngôi mộ cỏ, bia đá khắc chữ Hán và cho hay đó là ngôi mộ của bà Nguyễn Thị Tồn và được gia đình ông chăm sóc nhiều năm qua. Ngay cả người dân sống chung quanh cũng bảo đó là phần mộ của bà Tồn. Tuy nhiên, qua nội dung thể hiện trên bia đá còn nhiều vấn đề cần phải làm rõ.

Bà Nguyễn Thị Tồn qua đời đã để lại lòng tiếc thương vô hạn đối với gia đình, họ hàng và những người thân quen. Sự ra đi đột ngột của bà là nỗi đau đớn tột cùng mà Bùi Hữu Nghĩa phải gắng chịu, là một tổn thất lớn không thể bù đắp hết đối với ông. Khi sống, ông và bà Nguyễn Thị Tồn không được mấy năm gần gũi, lúc lâm chung cũng chẳng nhìn được mặt nhau lần cuối, thử hỏi còn niềm đau xót nào hơn. Bình thường, không ai không khổ sở, buồn đau trước cảnh tử biệt, sinh ly. Trong lúc việc chung còn ngổn ngang trăm thứ, lòng ông như tơ vò, thao thức suốt năm canh, thì lần lượt hai con người, hai hình ảnh thân yêu nhất trong gia đình: vợ và con gái đầu lòng – Bùi Thị Xiêm – đã ra đi... Bùi Hữu Nghĩa không xót xa sao được? Đối với Thủ khoa Nghĩa, bà Nguyễn Thị Tồn không chỉ là người đàn bà đức hạnh, luôn làm trọn đạo nghĩa vợ chồng, mà còn là vị ân nhân đã cứu ông thoát khỏi án xử tử hình của triều đình. Thân gái găm trường vì sinh mạng của chồng, trong lịch sử đã có mấy ai hành động được như liệt phụ Nguyễn Thị Tồn?

Không chung sống với nhau được cho đến ngày răng long đầu bạc, nhưng hình ảnh của bà Nguyễn Thị Tồn lúc nào cũng in đậm trong tâm trí của Bùi Hữu Nghĩa. Tình yêu thương vợ thấm thiết, nỗi ray rứt của bản thân từ khi vợ mất đã được Bùi Hữu Nghĩa bộc lộ qua những áng thơ văn trác tuyệt đi vào văn học sử. Ngày nay, khi đọc lại ta vẫn cảm thấy xúc động, bồi ngùi. Đó là những câu thơ làm lay động lòng người, có sức truyền cảm mạnh mẽ.

Bất đắc dĩ phải đi xuống Vĩnh Thông, Bùi Hữu Nghĩa lòng luôn ngán ngẩm thì hay tin vợ mất. Mãi sau, ông mới về nhà tổ chức lễ tang cho vợ. Về đến nhà, ông làm bài văn tế vợ, lời lẽ thật xót xa, cảm động. Bài văn tế vợ của Bùi Hữu Nghĩa đã giúp chúng ta hiểu rõ hơn tình cảm gắn bó, mặn nồng nghĩa vợ tình chồng giữa ông và bà Nguyễn Thị Tồn, dù có cách xa ngàn dặm.

Bà Nguyễn Thị Tồn hy sinh tất cả cuộc đời của mình cho chồng con, cho sự nghiệp của Bùi Hữu Nghĩa. Bà lặn lội ra tận kinh thành Huế kêu oan cho chồng. Đôi lúc bà còn xuống Trà Vinh, Châu Đốc thăm ông. Bà Nguyễn Thị Tồn đã mất nhiều sinh lực vì cuộc đời của Bùi Hữu Nghĩa. Về sau bà lâm bệnh mất, Bùi Hữu Nghĩa qui cái chết của vợ do chính ông gây ra :

“Ta để nàng chẳng bằng tiền, bằng của mà bằng cái tư lường;

Ta giết nàng chẳng bằng gươm, bằng đao mà bằng cái khổ lụy”.

Trước mặt vợ, Bùi Hữu Nghĩa đọc bài văn tế thật cảm động, ông còn nhắc lại sự gan dạ đến lạ lùng của bà Nguyễn Thị Tồn, bà không ngại đường xa, thân gái một mình ra tận để đờ mình oan cho chồng. Lời lẽ trong bài văn tế nói về đoạn này rất tả thực, rất truyền cảm và đề cao tính gan dạ, quả cảm, can trường của bà Nguyễn Thị Tồn. Bà đã làm cho bọn quan lại xấu xa phải khiếp sợ và làm cho cả triều đình cảm phục.

Với những lời bình dị, do nội tâm thúc đẩy mà những cảnh thật, tình thật đọng lại trên trang giấy. Bài “Văn tế vợ” của Bùi Hữu Nghĩa đã làm cho người ngoài cuộc nghe xong cũng thấy xao xuyến, bồi hồi.

Suốt bao năm gian khổ vì chồng, hy sinh tất cả cho chồng, hết lo âu này đến lo âu khác, làm sao bảo tồn được sức khỏe, Bùi Hữu Nghĩa quy cái chết của vợ do ông gây ra. Trong bài văn tế vợ, ông nhắc lại những kỷ niệm nồng thắm trong mối quan hệ vợ chồng, thâm ân của bà mà ông mang nặng, hờn trách mình không trọn đạo phu thê... Lời văn trách lạc mà ý sâu thắm cũng mênh mênh:

“Hỡi ơi!

Xưa nay đặng mấy người trọn vẹn, phận sắc tài hăng phải lụy cái thân;

Vợ chồng mà nghe nổi mận nồng, con sanh tử ý khôn ngăn giọt lệ

Từ thời bậu vầy duyên cang lệ, may mắn nhờ đủ mẹ đủ cha, thời em nâng niu dâng quỳ, xẻ táo, thảo mẹ cha không nữa khắc lãng xao;

Từ ngày anh mắc chôn gian truân, toi bời có một vợ một chồng, thời em dang đột buôn tảo, bán tần, niềm chồng vợ ấy cũng đã phu phi

Rất họ hàng còn cũng biết thương;

Huống trời đất có đâu chẳng nghĩ

Ôn vũ lộ lộng khơi mà bủa xuống, tay chông chờ đổi làm đồng vác, khi ấy hãy mang con trong dạ, bận bịu xin theo chôn sa trường;

Cuộc phong lôi tin tức hãy chưa thông, quế phi dung luống chịu nắng mưa, con trú đành bồng trẻ xuống thuyền, lặn mọc quyết tâm nơi chiến địa.

Hiệp tan khi ấy rất gay go;

Ân ái đoạn này thêm thắm thía.

Hay đâu nổi dây oán thù lại kết, anh vớ thử tay con tạo hoá, dầu những cánh trùng gan chuột, một chút nào nghĩ dạ Trang sanh;

Bỗng phút chốc buồn tình ái kịp buông, anh lo vì gánh nặng cang thường, chi sòn vượt biển nanh trời, chín tầng quyết trắng mình Trương Thị.

Nơi kinh quốc ba hồi trống gióng, biện bạch này oan nọ ức, đáng hiền lương mắt thấy thấy đau lòng;

Chôn tít đường một tiếng thét vang, hấn hời lẽ chánh lời nghiêm, lữ
bằng đảng tai nghe đều hết vía.

Lú lo tuy cuộc thế chưa xong;

Trợn vện ý vì chồng khôn ví.

Lúc anh vụt về thăm cha mẹ, để lời dặn em đừng rún chí, việc ở ăn lo đã
sẵn cả, mới trở lưng xuống bến sục sùi;

Nay sao đành bỏ cả chồng con, nghe đảng tin anh xiết kinh hoàng, nổi tới
lui không biết đường bao, luống ngựa mặt lên trời van ví.

Cây dương liễu là tên ly biệt, trời dành cho em những điều tài sắc, mà
mong sửa cuộc đoàn viên;

Huê phù dung là giống đoạn tràng, trời sắm cho em những miếng thanh
danh, mà nữ báo nên phước lý.

Ta để nàng chẳng bằng tiền bằng cửa, mà bằng cái tư lường;

Ta giết nàng chẳng bằng gươm bằng đao, mà bằng cái khổ luy.

Ôi!

Gươm ân ái không mài mà lèm lèm, người ta mận nồng chồng vợ, bao
đành dứt mối tình duyên;

Ngựa quang âm không dậm bỗng đùng đùng, người ta mắc cuộc tai nạn,
sao nữ dứt đường sinh tử.

Phụng lìa đôi chéch mác, đừng nói sửa sang giềng mối, khi túng thiếu
manh quần tấm áo, biết lấy ai mà cậy nhờ;

Gà mất mẹ chít chiu, đừng nói nhắc biểu học hành, khi lạt thêm miếng
bánh đồng hàng, biết theo ai mà tỏ thể.

May nhờ có ngoại gia nương cậy, sống dựng nhờ thác cũng dựng nhờ;

Luống trông cho cuộc thế xong xuôi, sớm chẳng thấy mai đều chẳng
thấy.

Phải chi em chưa thoát nơi trần tục, nổi oán thù sớm dựng sạch chùi;

Phải chi em chưa lên chốn non tiên, đưa bằng đảng dấm đầu lừng lẫy!

Phước nhà dựng rãnh mình cao sĩ, vượt mấy sông em dất chút mẹ già;

Màn loan sao vắng dạng tiên nga, vậy một ngõ anh khóc cùng ba trẻ.

Thơ từ biệt anh ngâm vài chập, dựng tỏ qua tấm dạ bi thương;

Rượu chung tình anh rót vài ly, ngõ cùng bầu tất lòng chung thủy.

Bùi Hữu Nghĩa còn khóc vợ bằng hai câu đối, lời lẽ thật nồng nàn, nhưng
vô cùng ghen ngào, chua xót :

“Đất chẳng phải chồng, sao nữ thịt xương hòa với đất;

Trời không chết vợ, đừng coi gan ruột thử cho trời” :

Đau lòng, thương cảm người vợ trọn tình, trọn nghĩa với mình, Bùi Hữu Nghĩa viết đôi liễn thờ rất lâm ly, thống thiết. Ông tự trách mình, đề cao tiết hạnh của vợ :

“Ngã chi bản, khanh năng độc trợ, ngã chi oan, khanh năng độc minh, triều quân giai không khanh thị phụ;

Khanh chi bệnh, ngã bất đắc dưỡng, khanh chi tử, ngã bất đắc táng, giang sơn ung tiếu ngã phi phụ”.

Bản dịch của Nguyễn Văn Nghĩa:

“Tớ nghèo mình lo giúp, tớ oan mình lo kêu, chòm xóm đều khen mình đáng vợ;

Mình đau tớ chẳng nuôi, mình mất tớ chẳng táng, non sông thẹn phận tớ làm chồng”.

Bằng các câu đối, liễn thờ trên, Bùi Hữu Nghĩa đã đau lòng tả lại mối quan hệ vợ chồng chí tình, chí nghĩa, vợ chồng đối với nhau lúc nào cũng “cung kính như tân”, luôn gặp nhau trong lý tưởng cao đẹp và tình cảm thắm đượm, mặn nồng.

Cũng như bài đường luật, xuất phát từ tình yêu vợ mãnh liệt, trong đôi liễn, Bùi Hữu Nghĩa có những câu “Đất chẳng phải chồng”... “trời mà mất vợ...” sao mà thấm thiết đến thế. Cách đây gần hai trăm năm có nhà nho nào dám dùng chữ táo bạo, trung thực với lòng mình như thế, làm xúc động đến những người đương thời và đời sau đến thế.

Bà Tồn mất được ba năm, nhân dịp về thăm nhà, Bùi Hữu Nghĩa làm một bài thơ “Khóc vợ” để nơi nhà mộ :

Đã chẵn ba năm mới đặng thăm
Màn loan đâu vắng bật hơi tăm
Gió đưa đâu thấy hình dương liễu
Đêm vắng ai hoài tiếng sắc cầm
Chồng nhớ vợ lòng tơ bối rối
Con thương mẹ lụy ngọc tuôn dầm

Có linh chín tuổi đừng xao lãng

Thỉnh thoảng về thăm lúc tối tăm

Tương thơ xưa ít có bài thơ khóc vợ nào da diết đến thế, ý tứ và lời lẽ mặn nồng như thế. Đây là bài thơ vĩnh biệt của một người chồng đã mang nặng tình nghĩa với vợ, diễn ra trong một hoàn cảnh rất đặc biệt. Bài thơ là một trong những áng văn khóc vợ còn đọng lại trong lòng người đọc mãi đến ngày nay.

Yêu vợ, thương vợ thì ai cũng như ai, nhưng ít có nhà nho nào dám khóc vợ mất một cách tha thiết, xúc cảm, mặn nồng như Bùi Hữu Nghĩa. Khóc vợ mà được ghi vào văn học sử, ngoài Bùi Hữu Nghĩa ra, còn có bài thơ khóc vợ của vua Tự Đức, của nhà thơ Đông Hồ và bài thơ khóc vợ của quan Tham nghị Nghệ An Nguyễn Kiền khóc vợ là Hồng Hà Đoàn Thị Điểm. Trong tất cả những bài thơ của họ thì tình cảm tiếc thương dành cho vợ vẫn thấm thiết như nhau, nhưng ở bài thơ của Bùi Hữu Nghĩa, ta thấy rất chân thật, gặp cảnh trái ngang, Bùi Hữu Nghĩa dám tự trách mình và đề cao đức hạnh của vợ.

Qua thơ, văn tế vợ của Bùi Hữu Nghĩa đã làm sáng danh một người vợ phi phạm, hiếm có trong xã hội, được người đời không ngớt ca tụng suốt hơn 100 năm nay. Nếu cho rằng sự nghiệp văn chương của Bùi Hữu Nghĩa cao đến đâu, con người của Bùi Hữu Nghĩa đẹp như thế nào thì tầm vóc của bà Nguyễn Thị Tồn – người vợ mẫu mực – cao đến đây, đẹp đến đây.

Tình nghĩa vợ chồng nồng thắm giữa Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa và liệt phụ Nguyễn Thị Tồn đã trở thành tấm gương soi quý giá, là bài học luân lý sâu sắc lúc đương thời cũng như cho thế hệ mai sau.

IV. THÁI ĐỘ CỦA TRIỀU ĐÌNH HUẾ VÀ NGƯỜI ĐƯƠNG THỜI ĐỐI VỚI BÀ NGUYỄN THỊ TỒN

Hành động đánh trống kêu oan của bà Nguyễn Thị Tồn đã làm kinh động khắp triều đình Huế. Từ vua đến các quan ai ai cũng kinh ngạc và mến phục bà. Bà là người phụ nữ đầu tiên dám đến thẳng tòa Tam Pháp giống trống kêu oan.

Vua Tự Đức khen bà Nguyễn Thị Tồn là người tiết phụ, ban cho bà một cái võng đều có bốn lọng, nhưng nơi đầu võng có mang một cái gông nhỏ sơn son, tượng trưng bà là người có tội làm kinh động triều đình.

Vua còn phán: ngày hôm sau, bà sẽ được đưa tới hậu cung cho Hoàng Thái Hậu, Hoàng Hậu và các cung phi, mỹ nữ xem mặt người tiết phụ xứ Đồng Nai đã nêu gương sáng tỏ cho nữ lưu.

Bấy giờ, Đức Từ Dũ - Nghi Thiên Chương Hoàng Thái Hậu – mẹ vua Tự Đức, nghe tin có người đàn bà ở xứ Đồng Nai ra đến tòa Tam Pháp giống trông mình oan cho chồng, thì có lòng cảm mến người nghĩa phụ đồng hương. Bà Từ Dũ truyền chỉ cho đòi bà Nguyễn Thị Tồn vào diện kiến. Bà Tồn vâng lệnh, ngồi võng che bốn lọng đi một vòng và đến hậu cung. Bà được Hoàng Thái Hậu khen ngợi và ban tặng một tấm biển sơn son thếp vàng có chạm bốn chữ **“Liệt phụ khả gia”**.

Câu chuyện bà Thủ khoa Nghĩa xứ Đồng Nai minh oan cho chồng khỏi tội tử hình được lan truyền mau chóng, khắp cả đế đô đều nghe biết. Các mệnh phụ phu nhân – vợ các quan trong triều – cảm mến bà Nguyễn Thị Tồn, luân phiên mời bà đến đãi ăn, chuyện văn ân cần, luôn tiện cho biết mặt người đàn bà gan dạ xứ Đồng Nai liễu thân vì chồng.

Vì lòng mến mộ của các bà mệnh phụ phu nhân, bà Nguyễn Thị Tồn lưu tại kinh đô một tháng. Sau đó bà lại quá giang ghe bầu trở về Biên Hòa. Ngày về đến quê hương, bà Nguyễn Thị Tồn được các quan tỉnh ra tiếp rước long trọng.

Như vậy, việc của Nguyễn Thị Tồn vượt qua vạn dặm đến tòa Tam Pháp giống trông kêu oan cho chồng, đã cảm kích được cả triều đình Huế. Từ vua đến các quan, từ Hoàng Thái Hậu, Hoàng Hậu đến các mệnh phụ phu nhân đều cảm động, cảm phục bà. Đối với họ, bà Nguyễn Thị Tồn đáng được khâm phục, khen ngợi và đáng được người đời noi gương. Bà Nguyễn Thị Tồn rất xứng đáng được xếp vào hàng liệt nữ, đã được một liệt nữ khác là bà Từ Dũ hết lời ca ngợi.

Không những triều đình Huế và các quan tỉnh cảm kích việc làm nổi tiếng của bà Nguyễn Thị Tồn, mà cả đương thời và những người phụ nữ bình thường trong xã hội cũng cảm phục bà. Họ cảm phục bà, vì bà là người phụ nữ đầu tiên dám đấu tranh bảo vệ hạnh phúc của mình, chống lại mọi thế lực phong kiến chà đạp lên công lý. Đây là điều mà từ cổ chí kim liệu có mấy người làm được?

Vì nỗi oan của chồng, vì công lý bị chà đạp, bà Nguyễn Thị Tồn đã liễu thân ra Huế minh oan cho chồng, đòi lại lẽ công bằng. Việc làm của bà mãi mãi in sâu vào lòng dân Đồng Nai thời bấy giờ. Họ dành trọn tình cảm, lòng quý trọng đến với bà. Họ truyền nhau về mẫu truyện của người đàn bà trung trinh, tiết liệt đã làm rạng danh cho phụ nữ xứ mình. Ở họ, bà Nguyễn Thị Tồn còn là người đại diện tiêu biểu nhất của mẫu người thấm nhuần đạo lý nho gia, lễ giáo “Tam tông, tứ đức” đã trở thành chuẩn mực của nhiều phụ nữ Việt Nam thời bấy giờ.

Đối với bà Nguyễn Thị Tồn, với nhân cách cao đẹp của bà, người đương thời không còn lời lẽ nào nữa để diễn tả lòng mến phục của mình. Ở họ, chỉ biết

khen ngợi, ngưỡng mộ, ca tụng những việc mà bà Nguyễn Thị Tồn đã làm. Họ lấy hình ảnh bà để nêu gương cho mình, cho con cháu học hỏi, noi theo.

Bà Nguyễn Thị Tồn là niềm tự hào lớn của phụ nữ Đồng Nai, là nhân vật lịch sử đã nêu cao gương trung trinh, tiết liệt có nhiều tác động đến tâm tư, đạo đức, văn học của vùng đất Biên Hòa. Bà Nguyễn Thị Tồn rất xứng đáng được nhân dân thờ tự và sử sách ghi danh soi sáng.

Tình nghĩa vợ chồng nồng thắm giữa Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa và liệt phụ Nguyễn Thị Tồn đã trở thành tấm gương soi quý giá, là bài học luân lý sâu sắc cho thế hệ hôm nay và mai sau.

PHẦN III

SOI BÓNG CỔ NHÂN

Lịch sử phụ nữ Đồng Nai đã có biết bao những trang sử truyền thống vẻ vang. Ngày nay những trang sử vàng ấy vẫn đang được kế thừa và gìn giữ. Phụ nữ Đồng Nai tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp của giới mình, tiếp bước những người anh hùng, những bậc tiền nhân đã làm nên lịch sử. Phụ nữ Đồng Nai đã góp phần tích cực, quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế, xây dựng đất nước, vào sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ. Đặc biệt, trên lĩnh vực giáo dục, truyền thống đạo đức của người xưa đã và đang trở thành tác nhân xúc tiến mạnh mẽ nền giáo dục của đất nước nói chung và nền giáo dục Đồng Nai nói riêng ngày một phát triển. Truyền thống đạo đức ấy luôn luôn gắn liền với những bậc nữ lưu đức hạnh: Bà Tá Thiên Nhân Hoàng Hậu (vợ vua Minh Mạng), bà Nguyễn Thị Tồn... Đặc biệt, từ cuộc đời bà Nguyễn Thị Tồn đã cho chúng ta học hỏi được những gì thuộc về truyền thống đạo đức của người phụ nữ Biên Hòa xưa.

Từ cuộc đời của bà Nguyễn Thị Tồn cho thấy nhân cách con người của bà được hình thành qua cuộc đời thăng trầm nhưng lúc nào cũng thờ cha mẹ và chồng trọn đạo của bà. Nhân cách đó đã được đúc kết và hình thành trên nền tảng giáo dục gia đình. Hay nói cách khác: ảnh hưởng của giáo dục gia đình đã hình thành nên nhân cách của bà Nguyễn Thị Tồn. Ngay từ nhỏ, bà Tồn được sống trong gia đình nề nếp; cha là chức sắc nhỏ ở địa phương cho nên ít nhiều bà đã có sự ảnh hưởng, lệ thuộc vào nếp sống, nếp nghĩ của gia đình. Từ nhỏ nhân cách của bà đã được hình thành. Lớn lên, khi lập gia đình thì mối quan hệ vợ chồng giữa bà và Bùi Hữu Nghĩa lại làm hoàn thiện hơn nhân cách đó. Cuộc sống gia đình hòa thuận, thương yêu nhau đã trở thành niềm thiêng liêng bất hủ trong tâm trí của bà. Câu “tam tòng, tứ đức” lúc nào cũng là một chuẩn mực sống trong cuộc đời của bà Nguyễn Thị Tồn. Chính vì thế, trước nỗi oan lớn nhất của chồng, bà Nguyễn Thị Tồn đã ra tận kinh thành Huế để minh oan. Bà Nguyễn Thị Tồn quả là một người phụ nữ gan dạ, khí phách hơn người, không chịu khuất phục trước những bất công, nhưng bà cũng là một người hiền dịu, hiếu thảo với cha mẹ, chung thủy sắc son với chồng và cũng rất mềm yếu như bao phụ nữ khác. Nhân cách toàn vẹn đó của bà Nguyễn Thị Tồn không thể không nói có ảnh hưởng rất lớn từ cuộc sống gia đình tạo nên.

Mặt khác, từ cuộc đời của bà Nguyễn Thị Tồn còn cho thấy vai trò lớn lao của bà đối với sự nghiệp của nhà thơ Bùi Hữu Nghĩa.

Cuộc sống gia đình đã gắn bó bà Nguyễn Thị Tồn và Bùi Hữu Nghĩa với nhau như hình với bóng. Cho nên, những thành bại trong đời quan trường hay trong sự nghiệp văn học của Bùi Hữu Nghĩa không thể tách rời vai trò của bà Nguyễn Thị Tồn. Với bản tính gan dạ, thẳng thắn, thủy chung, son sắc... của bà Nguyễn Thị Tồn đã ảnh hưởng không nhỏ đến vị quan thanh liêm, cương trực như Bùi Hữu Nghĩa; đã động viên, khuyến khích ông hết lòng vì nước, vì dân. Nhưng sau sự kiện Láng Thét, bà Nguyễn Thị Tồn qua đời – sau những ngày tháng vất vả đường trường, bao nhiêu sinh lực đều dồn hết vào cuộc chạy đua tử thần để cứu chồng, giải oan cho chồng – là nỗi đau đớn, nỗi hận lớn đối với Bùi Hữu Nghĩa. Bùi Hữu Nghĩa cảm thấy chán đời, chán cảnh quan trường nên từ quan về quê sống thanh nhàn. Quãng đời còn lại, ông sáng tác nhiều tác phẩm nổi tiếng đi vào lòng người, được truyền tụng. Bằng những áng văn, Bùi Hữu Nghĩa chẳng những nói rõ được tâm trạng, nỗi lòng của mình mà còn làm nổi bật vai trò của bà Nguyễn Thị Tồn, một người vợ phi phạm, hiếm có trong xã hội đối với sự nghiệp và cuộc đời của ông.

Xét đạo làm vợ, bà Nguyễn Thị Tồn là người tiết hạnh và thủy chung, son sắc, một lòng một dạ chăm lo cho cơ nghiệp của chồng. Sự nghiệp vẻ vang của Bùi Hữu Nghĩa gắn liền với vai trò, với đóng góp không nhỏ của bà Nguyễn Thị Tồn. Đánh giá cao con người và sự nghiệp văn học của Bùi Hữu Nghĩa, chúng ta rất biết ơn ông về những gì ông để lại cho hậu thế, nhưng qua đó, chúng ta cũng đánh giá cao vai trò của bà Nguyễn Thị Tồn đối với sự nghiệp của ông. Một người vợ trung trinh, tiết liệt đã liều thân muôn dặm vì chồng, cứu chồng khỏi tội chết, cùng ghi lưu trong sử sách.

Nhắc chuyện người xưa để suy ngẫm phụ nữ thời đại ngày nay. Ngày nay, người phụ nữ được may mắn sống trong thời đại khoa học kỹ thuật tiên bộ, thời đại mà lễ giáo phong kiến không còn hà khắc nữa. Người phụ nữ có điều kiện phát huy tài năng của mình để cùng chồng xây dựng một gia đình hạnh phúc, xây dựng một sự nghiệp vững vàng. Họ không còn phải tất bật lo cái ăn, cái mặc như trước đây, mà họ đã nghĩ tới đời sống tinh thần, nghĩ đến cái đẹp... Đã đến lúc người phụ nữ xem lại truyền thống đạo đức của người xưa để noi gương những bậc tiền nhân trong việc xây dựng một gia đình hạnh phúc, một gia đình văn hóa. Vì thế, tấm gương cao đẹp của bà Nguyễn Thị Tồn hy sinh vì gia đình, vì sự nghiệp của chồng đã và đang được nhiều phụ nữ ngày nay noi theo. Họ bắt đầu quan tâm hơn đến gia đình và giành nhiều thời gian hơn để chăm sóc chồng, con. Cho nên, ở mức độ nào đó, chúng ta cũng thấy được vai trò của các người vợ, người mẹ đối với sự nghiệp của chồng, của con.

Tuy nhiên, hiện nay cũng có một số ít phụ nữ đáng phê phán, họ từ chối quyền làm vợ, làm mẹ của mình, họ bỏ chồng, bỏ con để chạy theo cảm dổ, theo nhu cầu cá nhân. Đặc biệt là trong thực trạng xã hội hiện nay, hạnh phúc của không ít gia đình khá mong manh, tình trạng ly hôn, bạo hành thường xuyên xảy ra. Thực trạng đau lòng đó đã gieo vào lòng chúng ta một mối lo âu. Đó là vấn đề mà chúng ta cần phải quan tâm, cần có biện pháp để giải quyết. Mà việc đầu tiên là cần phải đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục truyền thống tốt đẹp của người xưa, nhất là tình cảm vợ chồng gắn bó, hy sinh cho nhau mà điển hình trong lịch sử là tình nghĩa vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Tồn và Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa cho thế hệ ngày nay học hỏi, noi theo.

Chúng ta đã đả kích, phê phán những kẻ quên đi cội nguồn, truyền thống tốt đẹp của ông cha, thì chúng ta cũng phải biết tôn kính những người noi gương tài đức của người xưa. Thật biết ơn những nhà viết kịch, những soạn giả cải lương đã dựng lên những vở kịch, vở cải lương nói về cuộc đời của bà Nguyễn Thị Tồn, dù có chút hư cấu nhưng nó có giá trị giáo dục rất lớn về truyền thống, đức độ của người xưa đối với thế hệ trẻ ngày nay. (Vào những năm thập niên 90 của thế kỷ 20, cố soạn giả Lê Duy Hạnh lúc bất giờ đã viết vở tuồng cải lương: **“Muôn dặm vì chồng”** dựng lại chi tiết việc bà Nguyễn Thị Tồn một thân một mình ra kinh đô cứu chồng thoát khỏi bản án tử hình. Vở diễn được phát đi phát lại nhiều lần trên đài truyền hình thành phố Hồ Chí Minh và lưu diễn nhiều nơi đã gây xúc động trong lòng người xem và qua đó, tấm gương liệt phụ của bà Nguyễn Thị Tồn cũng được nhiều người biết đến).

Hiện nay, tại phường Bửu Hòa, hai con đường lớn, đẹp đã được đặt tên bà Nguyễn Thị Tồn và Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa. Đây là việc làm hết sức có ý nghĩa, tuy nhiên, thời gian tới các cơ quan, ban ngành hữu quan cần nên triển khai thực hiện một số vấn đề sau:

- Xây dựng những vở kịch, vở cải lương, những tiết mục... nói về cuộc đời bà Nguyễn Thị Tồn để nêu gương cho hậu thế, nhất là giáo dục truyền thống đạo đức của người xưa cho thế hệ trẻ.

- Cần tổ chức cuộc hội thảo khoa học về nhân vật lịch sử Nguyễn Thị Tồn để có được những ý kiến đánh giá, những thông tin quý từ các nhà nghiên cứu trên các vùng miền đất nước. Trên cơ sở đó cũng cần có những công trình xuất bản ấn phẩm văn hóa để quảng bá rộng rãi trong công chúng.

- Cho đến nay, chúng ta vẫn chưa có công trình nghiên cứu một cách chuyên sâu, đầy đủ về bà Nguyễn Thị Tồn. Thiết nghĩ đây là một việc làm hết sức cần thiết và cấp bách bởi nguồn tư liệu sẽ qua thời gian càng mai một.

- Đưa nội dung về tấm gương tình nghĩa vợ chồng của liệt phụ Nguyễn Thị Tồn và Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa vào trong các buổi nói chuyện chuyên đề

về gia đình, vào các buổi sinh hoạt của các Hội Phụ nữ, Câu lạc bộ gia đình... do các ban ngành, đoàn thể tổ chức.

- Theo bản đồ lồng ghép quy hoạch phường Bửu Hòa thì toàn bộ khu đất của gia đình dòng họ bà Nguyễn Thị Tôn nằm dọc bờ sông Đồng Nai sẽ quy hoạch làm công viên bờ sông. Theo dự án, cơ quan chức năng cần nên đề xuất với UBND tỉnh xây dựng một tượng đài hoặc nhà lưu niệm về bà Nguyễn Thị Tôn. Nơi này sẽ ghi dấu mãi một gương sáng về lòng kiên trung, quả cảm, gan dạ cứu chồng, một tình yêu son sắc, vẹn toàn của người liệt phụ với một trong bốn “Rồng Vàng” của vùng đất Đồng Nai./.

PHỤ LỤC

Đến nay, trên 150 năm đã trôi qua, nhiều vết tích của người xưa bị thời gian xóa nhòa. Tấm biển vàng kia cũng không còn. Có chăng là ấn tượng đẹp đẽ về một người phụ nữ đất Đồng Nai thủy chung và “bạo gan” đến lạ lùng trong lòng người.

Ngôi nhà của bà Nguyễn Thị Tồn năm xưa hiện giờ ở phường Bửu Hòa, sát bờ sông Đồng Nai. Nói là nhà của bà, chứ thực ra hiện giờ khó mà tìm được cái gì của người xưa. Trải qua bao thăng trầm, bao cuộc chiến tranh, nhà cửa xây đi sửa lại nhiều lần, tuy nhiên vẫn còn vương nhiều nét của một ngôi nhà cổ, nhất là khung cảnh.

Dòng họ của bà Tồn hiện nay vẫn còn sinh sống ở Biên Hòa và cư ngụ ở ngôi nhà mà trước đây bà Tồn đã sinh ra và lớn lên. Chủ nhân là ông Nguyễn Trí Huấn (đã thọ bệnh mất), còn gọi là thầy giáo Huấn; bởi ông có thời gian dạy học khá lâu ở Biên Hòa. Ông nội thầy Huấn là cụ Nguyễn Trí Tánh, cháu gọi bà Tồn bằng cô ruột. Anh ruột thầy Huấn là ông Nguyễn Trí Quế, cũng là một thầy giáo. Vợ thầy Huấn là cô giáo Hồ Thị Đức. Ông bà có hai con gái: một làm nghề y, một theo nghề của cha mẹ.

Hẳn nhớ rất rõ những chi tiết bình thường của “người nổi tiếng thời xưa” mà bao năm nay, gia đình này vẫn giữ lấy nghề dạy học làm truyền thống, tuy nghèo nhưng trong sạch và thanh cao.

SƠ ĐỒ PHẢ HỆ DÒNG HỌ NGUYỄN TRÍ¹⁴

Tổ phụ : Nguyễn Trí Lý

(1793 – 1863)

I. Nguyễn Thị Tồn

I₁. Nguyễn Thị Xiêm

I₂. Bùi Hữu Vang

I₃. Bùi Hữu Tú

Tổ mẫu : Huỳnh Thị Đáp

(1794 – 1869)

+ Bùi Hữu Nghĩa

¹⁴ Sơ đồ phả hệ được khai triển từ bảng tông chi dòng họ Nguyễn Trí, thành lập năm 1942, do con cháu trong họ lập.

- II. Nguyễn Trí Yên + Lê Thị Cúa
- II₁. Nguyễn Thị Lợi + Phan Văn Ray
 - 1a. Phan Văn Nghị
- II₂. Nguyễn Thị Tường + Lê Văn Phát
 - 2a. Lê Văn Tuấn + Lê Thị Thìn
 - 2a₁. Lê Thị Lợi
 - 2a₂. Lê Thị Tửu
 - 2a₃. Lê Văn Ân
 - 2a₄. Lê Văn Tích
 - 2a₅. Lê Văn Truyện
 - 2a₆. Lê Văn Chử
- II₃. Nguyễn Trí Tánh + Lê Thị Ý (vợ 1)
 - + Lê Thị Khả (vợ 2)
 - 3a. Nguyễn Trí Hiền + Thái Thị Nên
 - 3a₁. Nguyễn Trí Học + Lê Thị Hòa
 - 3a'1. Nguyễn Thị Hai
 - 3a₂. Nguyễn Trí Đông + Trần Thị Xinh
 - 3a'1. Nguyễn Trí Điền
 - 3a'2. Nguyễn Trí Sang
 - 3a'3. Nguyễn Trí Dang
 - 3a'4. Nguyễn Trí Lợi
 - 3a'5. Nguyễn Thị Mai
 - 3a'6. Nguyễn Thị Lan
 - 3a'7. Nguyễn Thị Huệ
 - 3a'8. Nguyễn Thị Nờ

3a₃. Nguyễn Trí Bạch + Võ Thị Dần

3a'₁. Nguyễn Thị Ba

3a₄. Nguyễn Thị Thau + Lê Văn Hóa

3a'₁. Lê Thị Hai

3a₅. Nguyễn Trí Thiết + Đỗ Thị Chiêu (vợ 1)

+ Trần Thị Trừ (vợ 2)

3a'₁. Nguyễn Trí Tài

3a'₂. Nguyễn Trí Hùng

3a'₃. Nguyễn Trí Hào

3a'₄. Nguyễn Thị Hoa

3a'₅. Nguyễn Thị Mỹ

3a'₆. Nguyễn Thị Nga

3a'₇. Nguyễn Thị Đức

3a'₈. Nguyễn Thị Như Ý

3a'₉. Nguyễn Thị Nguyễn

3b. Nguyễn Trí Chương

+ Trần Thị Rang

3b₁. Nguyễn Trí Huế

+ Nguyễn Thị Hảo

3b'₁. Nguyễn Trí Phú

3b'₂. Nguyễn Trí Tràn

3b'₃. Nguyễn Thị Thu Thủy

3b₂. Nguyễn Trí Tảo

+ Trần Thị Nữ

3b'₁. Nguyễn Trí Trung

3b'₂. Nguyễn Trí Hòa

3b'₃. Nguyễn Trí Lạc

3b'₄. Nguyễn Thị Hồng

- 3b₃. Nguyễn Trí Xuân + Hồ Thị Sáu
 3b'₁. Nguyễn Trí Hùng
- 3b₄. Nguyễn Thị Hinh + Nguyễn Văn Liêng
 3b'₁. Nguyễn Văn Chân
 3b'₂. Nguyễn Khải Hoàn
 3b'₃. Nguyễn Thị Huệ
 3b'₄. Nguyễn Thị Trung Thu
- 3b₅. Nguyễn Trí Huân + Nguyễn Thị Bông (vợ 1)
 + Hồ Thị Đức (vợ 2)
 3b'₁. Nguyễn Thị Phương Mai
 3b'₂. Nguyễn Thị Phương Chi
- 3c. Nguyễn Thị Tề + Trần Văn Hải
 3c₁. Trần Thị Huệ + Lê Văn Đó
 3c₂. Trần Văn Bô + Nguyễn Thị Hai
- 3d. Nguyễn Thị Thê + Phan Văn Sách
- 3e. Nguyễn Trí Trọng + Lê Thị Giàu
- 3f. Nguyễn Trí Nghiêm
 3f₁. Nguyễn Trí Được
 3f₂. Nguyễn Thị Ít
 3f₃. Nguyễn Trí Lộ
 3f₄. Nguyễn Thị Tám
 3f₅. Nguyễn Thị Chín
- II₄. Nguyễn Thị Vân + Phan Văn Lưu
 II₅. Nguyễn Trí Việt
- III. Nguyễn Trí Thông

TU LIỆU THAM KHẢO

- Biên Hòa sử lược toàn biên – Lương Văn Lựu – tập II – Năm 1973
- Những danh sĩ miền Nam – Hồ Sĩ Hiệp – Hoài Anh – NXB tổng hợp Tiền Giang – 1990.
- Bùi Hữu Nghĩa – con người và tác phẩm – Bảo Định Giang – NXB thành phố Hồ Chí Minh – 1988
- Việt Nam danh sĩ – Nhất Tâm – NXB Tân Việt – 1956
- Theo dấu Bùi Hữu Nghĩa – Tân Việt Điều – Văn hóa nguyệt san – 1961 – Số 58
- Tiểu sử cụ thủ khoa Nghĩa – Trục Trần – Tạp chí Tri Tân – 1943 – Số 98,99,101
- Tuồng “Kim Thạch kỳ duyên” – Bùi Quang Nhơn – Sài Gòn 1985
- Danh nhân miền Nam: Bùi Hữu Nghĩa – Bùi Hữu Giáp – Tạp chí phổ thông – Số 114
- Bảo Tàng Đồng Nai : Người Đồng Nai. NXB TP. HCM, 1996
- Đảng ủy phường Bửu Hòa : Bửu Hòa đấu tranh và xây dựng; Ủy ban nhân dân phường Bửu Hòa xuất bản, 1992
- Hồ Sĩ Hiệp – Hoài Anh : Những danh sĩ miền Nam. NXB tổng hợp Tiền Giang, 1990
- Hội Liên Hiệp Phụ Nữ Việt Nam – tỉnh Đồng Nai: Phụ nữ Đồng Nai – những trang sử truyền thống. NXB Đồng Nai, 1988
- Trần Quang Toại chủ biên: Địa danh Hành chính – Văn hóa – Lịch sử Đồng Nai, Hội Khoa học Lịch sử Đồng Nai, NXB Đồng Nai.2014
- Đi tìm một gia đình “truyền thống” – Bùi Quang Huy – Báo Đồng Nai số 581, ra ngày 29/03/1991